

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần I: Sinh hoạt dưới cờ

Phần II: HĐTN:

BÀI 1: AN BUM KỈ NIỆM ĐÁNG NHỚ CỦA TÔI (tiết 2)

A. Mục tiêu :

- Biết bảo quản, lưu giữ đã làm.
- Rèn kĩ năng trình bày trong cuốn an-bum.
- Biết tiếp thu ý kiến người khác nhận xét về mình để tự hoàn thiện bản thân.

B. Chuẩn bị

- GV: Đưa vật mẫu của năm trước.
- HS: các bài thơ văn, ảnh, giấy màu, kéo, keo.

C. Các hoạt động dạy học :**I. Phần khởi động (5')**

- Cho HS hát

Hát

II. Phần phát triển bài (27')**2. Bảo quản, lưu giữ sản phẩm**

- GV cho HS quan sát sản phẩm GV sưu tầm được.
- Lưu giữ để muốn xem lại những kỉ niệm buồn hay vui thì chúng ta cần lưu giữ bảo quản, mỗi người có cách bảo quản khác nhau.
- Yêu cầu HS ghi lại cách bảo quản phù hợp với mỗi sản phẩm: ảnh chụp, bài thơ chép tay, tranh vẽ....

- HS quan sát .
- HS nghe GV giảng.

- HS ghi lại cách bảo quản phù hợp với mỗi sản phẩm: ảnh chụp, bài thơ chép tay, tranh vẽ....

- + ảnh chụp: ép Plastic.....cắt vào an-bum và để nơi khô,
- + Bài thơ chép tay: cắt lên giá sách.
- + Tranh vẽ: treo lên tường, cắt lên giá sách, để nơi khô ráo

3. Làm an - bum về kỉ niệm của em

- GV HD làm.
- + Lựa chọn những sản phẩm kỉ niệm mà em muốn đưa vào - an bum.
- + Tranh trí bìa đầu và bìa cuối của an - bum.
- + Sắp xếp các sản phẩm kỉ niệm theo trật tự mà em muốn vào các trang. đánh số thứ tự vào cuối mỗi trang.
- + Đồng bìa và các trang ruột thành cuốn an bum.
- + B5: Em viết tên an - bum và tên mình vào bìa ngoài an - bum.

- HS cách thực hiện theo từng bước trong SGK.
- + HS tự đóng bìa và các trang ruột thành cuốn an bum.

+ HS viết tên an - bum và tên mình vào bìa ngoài an - bum.

III. Phần kết thúc (3')

- Gọi 2 HS lên chia sẻ cách bảo quản, lưu giữ sản phẩm của mình để bền, sạch đẹp.

Tiết 2: **Toán**
LUYỆN TẬP

I. Yêu cầu cần đạt:

- củng cố cho HS về cách thực hiện phép cộng, phép trừ và biết cách thử lại phép cộng và phép trừ. Giải toán có lời văn về tìm thành phần chưa biết của phép cộng và phép trừ.
- HS biết sử dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.
- Giáo dục hs tính cẩn thận khi làm tính cộng, trừ, góp phần phát huy khả năng sáng tạo của hs

II. Đồ dùng:

- Bảng con BT1+2+3.

III. Các hoạt động dạy - học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Yêu cầu hs đặt tính rồi tính:

$$65\ 102 - 13859 \quad 941\ 302 - 298\ 764$$

- Khi đặt tính, ta lưu ý điều gì?
- Thứ tự thực hiện phép tính như thế nào?

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Luyện tập:

Bài 1: Thử lại phép cộng

GV nêu phép cộng $2416 + 5164$.

-y/c HS tính kq .

củng cố lại tên gọi các thành phần và kết quả trong phép tính cộng.

- GV hướng dẫn HS thử lại: Muốn tìm một số hạng chưa biết ta làm thế nào?

- GV y/c HS vận dụng để tự nêu cách thử lại

-Muốn thử lại phép cộng ta làm thế nào?

- Y/c HS tự làm bài trong phần b rồi h/d chữa trên bảng

Chốt cách thử lại phép cộng lấy tổng trừ đi số hạng.

Bài 2: Thử lại phép trừ

- GV h/d HS thực hiện phép trừ, nêu lại tên gọi các thành phần và kết quả

- Y/c HS dựa vào cách tìm thành phần chưa biết để liên hệ nêu cách thử lại phép trừ

(Khuyến khích HS nêu được cả hai cách thử dựa vào cách tìm 2 thành phần trong phép

- 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con.

- HS nhận xét bài trên bảng.

- HS trả lời.

- 1 HS lên bảng đặt tính và thực hiện phép tính , HS khác làm bảng con

$$\begin{array}{r} 2416 \\ +5164 \\ \hline 7580 \end{array}$$

- Nêu lại tên gọi : SH, SH, Tổng

- Lấy tổng trừ số hạng kia

Thử lại 7580

$$\begin{array}{r} - 2416 \\ 5164 \end{array}$$

- KK HS nêu cách thử lại

- HS tự làm bảng con(viết phép thử lại bên cạnh); 1 hs làm trên bảng lớp

- HS đọc yêu cầu của bài

- HS làm bài cá nhân và nêu: SBT, ST, Hiệu

$$\begin{array}{r} 6839 \quad 6357 \\ - 482 \quad + 482 \\ \hline 6357 \quad 6839 \end{array}$$

trừ)

Chốt và ghi bảng cách thử lại phép trừ (SGK)

- Nêu mối quan hệ của phép cộng và phép trừ?

Bài 3: Tìm x

- Y/c HS làm việc cá nhân

- Nêu cách thử lại ?

Củng cố về cách tìm số hạng, số bị trừ chưa biết

Bài 4+ 5: (nếu còn thời gian).

- GV treo bảng phụ ghi đáp án bài 4 yêu cầu hs đối chiếu chữa bài.

- Nêu cách nhẩm và kết quả bài 5

3. *Củng cố - dặn dò:*

- Nêu lại cách thử kết quả của phép cộng và phép trừ

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài, vận dụng kiến thức đã học trong bài vào kiểm tra kết quả bài làm, ôn lại biểu thức có chứa một chữ để chuẩn bị bài sau: *Biểu thức có chứa hai chữ*

- KK HS nêu ý kiến về các cách thử

- HS tự làm bảng con phần b (viết phép thử lại bên cạnh); 1 HS làm trên bảng lớp

- HS nêu lại tên gọi các thành phần, kết quả và nêu y/c từng phần

- Tự làm trong bảng con + nêu cách làm

$x + 262 = 4848$ $x - 707 = 3535$

$x = 4848 - 262$ $x = 3535 + 707$

$x = 4586$ $x = 4242$

- KKHS nêu cách thử lại

- HS làm bài vào nháp

Tiết 3: Tập đọc TRUNG THU ĐỘC LẬP

I. Yêu cầu cần đạt:

- HS đọc trơn toàn bài. Đọc đúng: *trăng ngàn, man mác, vắng vắng, mười mười lăm năm nữa* Bước đầu biết đọc diễn cảm bài văn thể hiện tình cảm yêu mến thiếu nhi, niềm tự hào, ước mơ và hy vọng của anh chiến sĩ về tương lai của đất nước của thiếu nhi.

- Hiểu từ ngữ: *Trung thu độc lập; trại ; trăng ngàn...* và hiểu nội dung bài: Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ, ước mơ của anh về tương lai của các em trong đêm trung thu độc lập đầu tiên của đất nước.

- Giáo dục HS lòng yêu quê hương, đất nước VN.

GD ý thức chủ quyền biển đảo.

GDQP : Ca ngợi tình cảm chú bộ đội, công an dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn nghĩ thiếu niên và nhi đồng.

KNS: HS xác định được trách nhiệm của bản thân đối với đất nước.

II. Đồ dùng:

- Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn 2- Luyện đọc diễn cảm

III. Các hoạt động dạy - học:

A Kiểm tra bài cũ

- Gọi 3 HS đọc phân vai truyện: Chị em tôi

- HS thực hiện yêu cầu

+ Em thích chi tiết nào trong truyện nhất ? vì sao?

- Gv nhận xét, tuyên dương HS.

B.Bài mới :Giới thiệu chủ điểm và bài đọc

Hoạt động 1: Luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

- Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 3 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài, GV HD đọc ngắt, nghỉ câu :

“ *Đêm nay / anh đứng gác ở trại. Trăng ngàn và gió núi bao la / khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu / và nghĩ tới các em. //*

GV kết hợp sửa lỗi phát âm: *trăng ngàn, man mác, vắng vặc, mười mười lăm năm nữa*

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *Trung thu độc lập, trại, trăng ngàn, trăng mai.*

-GV đọc mẫu toàn bài giọng nhẹ nhàng thể hiện ước mơ của anh chiến sĩ về một tương lai tươi đẹp của đất nước, của thiếu nhi

Hoạt động 2 : Tìm hiểu bài

+ Đoạn 1

+ Anh chiến sĩ nghĩ tới Trung thu và các em vào thời điểm nào?

+ Đối với thiếu nhi, Tết Trung thu có gì vui?

+ Thời điểm anh chiến sĩ nghĩ tới trung thu và các em nhỏ có gì đặc biệt ?

+ Trăng trung thu độc lập có gì đẹp ?

+ Tìm từ ngữ cho thấy vẻ đẹp của đêm trăng trung thu độc lập đầu tiên?

GV: Trung thu thật là vui với thiếu nhi. Nhưng Trung thu độc lập đầu tiên thật có ý nghĩa. Anh chiến sĩ đứng gác và nghĩ đến tương lai của các em nhỏ. Trăng đêm trung thu thật đẹp. Đẹp về đẹp của núi sông tự do, độc lập. Trong đêm trăng đầy ý nghĩa ấy, anh chiến sĩ cũng mơ tưởng đến tương lai của đất

- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.

+ Đoạn 1: Đêm nay ... các em

+ Đoạn 2: Anh nhìn ... vui tươi

+ Đoạn 3: Trăng đêm ... các em

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài

- 3 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt hơi câu.

- 3 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

-HS đọc thầm và trả lời câu hỏi:

+ Vào thời điểm anh đứng gác ở trại trong đêm trăng trung thu độc lập đầu tiên.

+ Trung thu là Tết của thiếu nhi, thiếu nhi cả nước cùng rước đèn, phá cỗ.

+ Anh đứng gác ở trại vào đêm trăng trung thu độc lập đầu tiên của nước ta

+ Trăng soi sáng khắp đất nước. Trăng vắng vặc chiếu khắp các thành phố, làng mạc, núi rừng

+HS nêu.....

nước.

Ý1: Cảnh đẹp đêm trăng trung thu độc lập đầu tiên

+ Đoạn 2:

+ Anh chiến sĩ tưởng tượng đất nước trong những đêm trăng tương lai ra sao ?

+ Vẻ đẹp trong tưởng tượng đó có gì khác so với đêm trung thu độc lập

Ý 2: Mơ ước của anh chiến sĩ về tương lai của đất nước.

GV : Kể từ ngày đất nước giành được độc lập 8/1945 ta đã chiến thắng hai đế quốc lớn. Từ năm 1975, ta bắt tay vào xây dựng sự nghiệp tổ quốc. Từ ngày anh chiến sĩ mơ ước về tương lai của trẻ em đến nay đó trôi qua hơn 60 năm.

+ Đoạn 3:

+Hình ảnh trăng mai còn sáng hơn nói lên điều gì ?

+ Anh chiến sĩ tin rằng các em sẽ có những ngày tết trung thu như thế nào?

+ Anh mơ ước đất nước ta mai sau sẽ phát triển như thế nào ?

Ý 3: Niềm tin chắc chắn những tết trung thu tươi đẹp hơn sẽ đến với các em

- Nêu nội dung toàn bài?

-GD ý thức chủ quyền biển đảo qua bức tranh SGK

-GDQP : Ca ngợi tình cảm các chú bộ đội, công an dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn nghĩ thiếu niên và nhi đồng.

Hoạt động 3: Đọc diễn cảm

- Gọi 3 hs đọc tiếp nối từng đoạn của bài ?

- GV giới thiệu đoạn văn cần đọc diễn cảm. (Bảng phụ ghi đoạn 2)

- GV tổ chức cho hs thi đọc diễn cảm đoạn văn.

- Nhận xét

- Tổ chức cho hs thi đọc toàn bài

- Nhận xét

- HS đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi:

+ Dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện; giữa biển rộng cờ đỏ sao vàng phấp phới trên những con tàu lớn, ống khói chi chít,...

+ Đó là vẻ đẹp của đất nước đã giàu có hơn rất nhiều so với những ngày độc lập đầu tiên.

- Cuộc sống mai sau sẽ còn tươi đẹp hơn.

- HS lần lượt phát biểu.

- Mơ ước của anh chiến sĩ năm xưa đã thành hiện thực, và nhiều điều trong hiện thực đã vượt xa mơ ước của anh..

Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ, ước mơ của anh về tương lai của các em trong đêm trung thu độc lập đầu tiên của đất nước.

- 1 HS nêu lại giọng đọc

- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn, cả lớp theo dõi

- HS đọc thầm và tìm cách đọc hay.

- 1 hs đọc mẫu.

- Luyện đọc theo nhóm 2.

- 3 ->4 hs thi đọc.

- HS thi và bình chọn bạn đọc

3. củng cố - dặn dò:

+ Sự phát triển của đất nước ta hiện nay có gì giống như trong giấc mơ của anh chiến sĩ?

+ Em mơ ước đất nước ta sau này sẽ phát triển như thế nào?

- GD HS tình cảm yêu quý quê hương, đất nước.

KNS: liên hệ thực tế việc làm của HS góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp như trong mơ ước của anh chiến sĩ, giáo dục KNS cho các em. Giáo dục HS lòng yêu quê hương, đất nước VN. GD ý thức chủ quyền biển đảo

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về đọc lại bài, học bài và chuẩn bị bài sau: *Ở Vương quốc Tương lai*.

Tiết 4: Chính tả**Nhớ - viết : GÀ TRỐNG VÀ CÁO****I. Yêu cầu cần đạt:**

- Nhớ - viết đúng bài chính tả. Trình bày đúng các dòng thơ lục bát;

Làm đúng BT 2a; 3a

- Rèn kĩ năng viết chính tả cho hs, kĩ năng trình bày bài chính tả.

- GDHS có ý thức rèn chữ viết đẹp; tính cẩn thận khi viết chữ.

II. Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ ghi BT 2a

- Bảng con, Phiếu học tập

III. Các hoạt động dạy học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Yêu cầu hs viết 4 từ láy có tiếng chứa âm s/x.

- Gọi 2 hs viết bảng lớp.

- GV nhận xét.

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chính tả

a) Tìm hiểu nội dung đoạn thơ.

- Yêu cầu hs đọc thuộc lòng đoạn thơ.

+ Lời lẽ của Gà nói với Cáo thể hiện điều gì?

+ Gà tung tin gì để cho Cáo một bài học?

- Nêu nội dung đoạn thơ?

b) Hướng dẫn viết từ khó:

- Yêu cầu hs tìm các từ khó viết và luyện viết.

- GV theo dõi, chữa cho hs.

c) Yêu cầu hs nhắc lại cách trình bày

- HS đọc đoạn thơ cần viết.

- Gà là một con vật thông minh.

- Gà tung tin có một cặp chó săn đang chạy tới để đưa tin mừng. Cáo ta sợ chó ăn thịt vội chạy ngay để lộ chân tướng.

- Hãy cảnh giác, đừng tin vội tin vào những lời ngọt ngào.

- HS nêu các từ khó cần chú ý từ: *hồn lạc phách bay, quắp đuôi, co cẳng, khoái chí, phùng gian dối...*

- Viết hoa Gà Trống, Cáo viết hoa (là DT riêng)

- HS luyện viết vào bảng con.

- Nêu cách trình bày đoạn thơ trong vở

d) Viết, nhận xét, chữa bài.

- Yêu cầu hs viết bài vào vở.

- Soát lỗi: GV đọc

- Nhận xét bài: Thu 7 -> 10 bài, nhận xét

Hoạt động 2: Hướng dẫn làm bài tập

Bài 2a :

- GV treo bảng phụ gọi hs đọc yêu cầu

- Yêu cầu hs thảo luận và làm bài vào VBT

- Gọi 1 hs làm bảng lớp

- Gọi hs nhận xét, chữa bài.

Chốt đáp án : trí tuệ, phẩm chất, trong, chế ngự, chinh phục, vũ trụ, chủ nhân

- Gọi hs đọc đoạn văn hoàn chỉnh.

- Nêu nội dung của đoạn văn ?

Bài 3a :

- Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung.

- Yêu cầu thảo luận cặp đôi và tìm từ.

- Yêu cầu hs hỏi đáp theo cặp

- Gọi hs nhận xét : đáp án : ý chí - trí tuệ

- Yêu cầu hs đặt câu với từ vừa tìm được

- Đặt câu phân biệt ch/ tr với một số từ

- Nhận xét câu của hs

3. Củng cố, dặn dò:

-Khuyến khích h/s tìm thêm được trường hợp sử dụng ch/tr trong BT2 để phân biệt: **chí/trí ; trong /chong** để phân biệt

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học và ghi nhớ các trường hợp phân biệt chính tả trong bài để vận dụng vào nói, viết cho đúng chính tả. Dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Nghe - viết: Trung thu độc lập

- HS nêu cách trình bày trong vở: dòng 6 tiếng lùi vào 1 ô, dòng 8 tiếng viết sát lề, chữ cái đầu dòng viết hoa, tên riêng viết hoa, lời nói của Gà Trống và Cáo viết sau dấu hai chấm, đi kèm với dấu ngoặc kép.

- HS tự nhớ bài và viết vào vở.

- HS đổi vở chữa bài.

- 1 hs đọc thành tiếng.

- Thảo luận cặp đôi và làm bài.

- HS làm bài trên bảng lớp.

- HS nhận xét

- 2 hs đọc đoạn văn hoàn chỉnh.

- KKHS nêu

- 2 hs đọc thành tiếng.

- HS hoạt động nhóm 2

- 2 ->3 cặp thực hiện

- HS nhận xét.

- HS đặt câu theo yêu cầu

- KKHS đặt câu để phân biệt

Buổi chiều

Tiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)

Tiết 2: **Đạo đức**

TIẾT KIỆM TIỀN CỬA (Tiết 1)

I. Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được ví dụ về tiết kiệm tiền của. Biết được lợi ích của tiết kiệm tiền của.

- Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước....trong cuộc sống hằng ngày

(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành.)

- Giáo dục hs có ý thức sử dụng tiết kiệm tiền của.

GDKNS: bình luận, phê phán việc lãng phí tiền của

- GDBVMT: Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện nước.... trong cuộc sống hàng ngày cũng là 1 biện pháp BVMT tài nguyên thiên nhiên.

II. Đồ dùng dạy học:

- SGK đạo đức 4

- Mỗi HS có 2 tấm bìa màu : xanh, đỏ.

III Hoạt động dạy- học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Em muốn được tham gia vào một hoạt động nào đó của lớp mà chưa được phân công em sẽ làm gì?

- Điều gì sẽ xảy ra nếu em không được bày tỏ ý kiến về những việc có liên quan đến bản thân em?

- Nhận xét.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Thảo luận nhóm

- GV chia nhóm 6 thảo luận về các thông tin:

+ Ở nhiều cơ quan hiện nay có thông báo:" Ra khỏi phòng nhớ tắt điện"

+Người Đức có thói quen ăn hết không để thừa thức ăn.

+Người Nhật có thói quen chỉ tiêu tiết kiệm hàng ngày.

+ Theo em có phải do nghèo nên các nước trên mới tiết kiệm như vậy không?

-Vì sao phải tiết kiệm tiền của ?

KL: *Tiết kiệm là một thói quen tốt, là biểu hiện của con người văn minh, xã hội văn minh.*

Ghi nhớ:

Ở đây một hạt cơm rơi

Ngoài kia bao giọt mồ hôi thấm đồng

- HS nêu yêu cầu

- 3 HS đóng vai là người của 3 nước giới thiệu về đất nước của mình theo thông tin trong SGK

- Các nhóm thảo luận về nội dung các thông tin đó. Đại diện các nhóm trình bày

- Các nhóm khác trao đổi, thảo luận và bổ sung ý kiến.

- HS trả lời , HS khác nhận xét bổ sung .

- KK HS trả lời

- HS tự nêu thêm ví dụ về tiết kiệm tiền của .

- 1 HS nêu ý nghĩa

- 3 HS đọc phần ghi nhớ trong SGK

Hoạt động 2: Bày tỏ ý kiến

- GV lần lượt nêu từng ý kiến trong bài tập 1

(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán

- Cả lớp đọc thầm, thảo luận nhóm đôi.

- Yêu cầu HS bày tỏ thái độ đánh giá theo các phiếu màu :

thành.)

Thảo luận bài tập 1

- GV lần lượt nêu từng ý kiến trong BT1

- GV kết luận: Các ý kiến đúng:

c. Tiết kiệm tiền của là sử dụng tiền vào những việc có ích một cách có hiệu quả.

d. Tiết kiệm vừa ích nước vừa lợi nhà.

đ. Tiết kiệm là quốc sách.

- Các ý kiến sai:

a. Tiết kiệm tiền của là bủn xỉn.

b. Tiết kiệm tiền của là ăn tiêu dè xẻn.

- GV giải thích thêm cho HS phân biệt : bủn xỉn; dè xẻn với tiết kiệm

GDBVMT: Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện nước.... trong cuộc sống hàng ngày cũng là 1 biện pháp BVMT tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động 3: Thảo luận nhóm

- Liệt kê các việc cần làm và những việc không nên làm để tiết kiệm tiền của.

GV chia nhóm- nhóm bốn - và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

- GV khen, nhắc nhở kịp thời

Liên hệ thực tế : Nếp sống chưa văn minh của nhiều người VN trong đám xá, tiệc tùng, trong ăn uống ở nhà hàng, việc chi tiêu tiền của không hợp lý trong gia đình, trong hội hè... Liên hệ đến việc làm từ thiện... giáo dục KNS cho HS

3. Củng cố, dặn dò:

+ Vì sao phải tiết kiệm tiền của, tiết kiệm tiền của có ích lợi gì?

- Giới thiệu thêm với HS câu tục ngữ: "Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm"

- Nhận xét tiết học. Nhắc HS chuẩn bị bài sau:

+ Sưu tầm các truyện, tấm gương về tiết kiệm tiền của. (BT 6 SGK)

+ Tự liên hệ việc tiết kiệm tiền của của bản thân (BT 7 SGK)

tán thành (thẻ xanh); không tán thành (thẻ đỏ)

- HS nêu lí do lựa chọn của mình.

- HS theo dõi, lắng nghe.

- HS thảo luận nhóm, liệt kê các việc nên làm và không nên làm để tiết kiệm tiền của.

- Đại diện nhóm trình bày

- Các nhóm bổ sung

- HS liên hệ thực tế và nêu ví dụ, bày tỏ quan điểm của mình về những hành động đó...

Tiết 3: **Tiếng Anh** (GVC dạy)

Thứ 3 ngày 18 tháng 10 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**

BIỂU THỨC CÓ CHỨA HAI CHỮ

I. Yêu cầu cần đạt:

- Giúp HS nhận biết một số biểu thức đơn giản có chứa 2 chữ.

- Biết tính giá trị của một số biểu thức đơn giản có chứa 2 chữ.

- Giáo dục HS yêu thích môn học

II. Đồ dùng dạy - học:

-Bảng phụ bài 3

III. Các hoạt động dạy - học**A. Kiểm tra bài cũ**Yêu cầu HS tính giá trị của biểu thức: $23 + a$ biết $a = 12$ **2. Bài mới****HD 1. Biểu thức có chứa 2 chữ**

- GV yêu cầu HS đọc bài toán ví dụ.

- Muốn biết cả hai anh em câu được bao nhiêu con cá ta làm thế nào?

+ Nếu anh câu được 3 con cá, em câu được 2 con cá thì hai anh em câu được mấy con cá?

- GV viết 3 vào cột *Số cá của anh*, viết 2 vào cột *Số cá của em*, viết $3 + 2$ vào cột *Số cá của hai anh em*.

- GV làm tương tự với các trường hợp cũng lại

+ Nếu anh câu được a con cá và em câu được b con cá thì số cá mà hai anh em câu được là bao nhiêu con?GV giới thiệu: $a + b$ được gọi là **biểu thức có chứa hai chữ**.

- Nêu biểu thức có chứa 2 chữ khác?

-Biểu thức có chứa hai chữ có đặc điểm gì?

HD 2. Giá trị của biểu thức có chứa 2 chữ- Nếu $a = 4$, $b = 5$ thì $a + b = ?$ 9 là giá trị của biểu thức $a + b$ - Yêu cầu HS làm tương tự với $a = 5$ và $b = 7$; $a = 13$, và $b = 9$...-Vậy khi biết giá trị cụ thể của a , b muốn tính giá trị của biểu thức $a + b$ ta làm như thế nào?- Mỗi lần thay các chữ a , b bằng các số ta tính được gì?**HD 3. Thực hành****Bài 1**

- Ta thực hiện phép tính cộng số con cá của anh câu được với số con cá của em câu được.

- Hai anh em câu được $3 + 2$ con cá.

- HS nêu số con cá của hai anh em trong từng trường hợp.

- Hai anh em câu được $a + b$ con cá.

- 2 HS nêu lại

- $b + c$; $a : b$; $c - b$, $3 + a - b$, ...

- BT có chứa hai chữ gồm có dấu tính và hai chữ (ngoài ra còn có thể có hoặc không có phần số)

- HS nêu (9)

- HS nhắc lại

- HS lấy một vài VD và lên bảng làm

- HS nêu: thay các số vào chữ a , b , tính giá trị của biểu thức.

- Tính được 1 giá trị của biểu thức

 $a + b$

- HS đọc yêu cầu

- HS tự làm bài, 2 HS chữa bảng

a) Nếu $c = 10$ và $d = 25$ thì $c + d = 10 + 25 = 35$ b) Nếu $c = 15$ cm và $d = 45$ cm

- Khuyến khích HS tự lấy thêm số liệu rồi tính
Củng cố cách tính giá trị của biểu thức có chứa hai chữ

Bài 2

- Mỗi lần thay các chữ a và b bằng các số chúng ta tính được gì?

Chốt cách tính giá trị của biểu thức có chứa hai chữ

Bài 3: Bảng phụ (GV chọn hai cột)

- YC HS nêu nội dung các dòng trong bảng
- Khi thay giá trị của a, b vào biểu thức để tính giá trị của biểu thức cần chú ý điều gì?

Chốt cách tính giá trị của biểu thức có chứa hai chữ.

3. Củng cố - dặn dò

- Hệ thống kiến thức bài . Nhắc lại BT có chứa 2 chữ và cách tính giá trị của biểu thức
- Chuẩn bị bài sau: *Tính chất giao hoán của phép cộng.*

thì $c + d = 15 \text{ cm} + 45 \text{ cm} = 60 \text{ cm}$

- HS tự cho a, b các giá trị cụ thể khác và tính giá trị của BT $c + d$.

- HS nêu yêu cầu

- 2 HS lên bảng làm, lớp làm nháp

a. Nếu $a = 32$, $b = 20$ thì $a + b = 32 + 20 = 52$

b. Nếu $a = 45$, $b = 36$ thì $a + b = 45 + 36 = 81$

- HS nêu.

- KKHS thay giá trị của a, b ở cùng 1 cột.

- HS tự làm bài

- 1HS chữa bài, nhận xét .

Tiết 3: Luyện từ và câu

CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÝ VIỆT NAM

I. Yêu cầu cần đạt:

- Nắm được quy tắc viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam. Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng một số tên riêng Việt Nam (BT1,BT2,mục III), tìm và viết đúng một vài tên riêng Việt Nam.(BT3)
- Rèn kĩ năng nhận biết và viết đúng tên riêng Việt Nam
- GDHS yêu thích tiếng Việt, có ý thức viết đúng chính tả

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ ghi VD phân nhận xét; bảng nhóm BT2+3; bản đồ huyện Thanh Hà -HD

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ

- HS đọc bài 4 đã làm trong tiết học trước.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nhận xét: Nhận xét cách viết những tên riêng sau đây:(bảng phụ)

a. Tên người: Nguyễn Huệ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai

-3 HS đọc các câu đã đặt ở bài 4 tiết trước

- HS nhận xét

- 2 HS nêu yêu cầu.

- Trao đổi nhóm đôi: *Các tên đó đều được viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng*

b. Tên địa lí: Trường Sơn, Sóc Trăng, Vàm Cỏ Tây.

- Y/c HS nhận xét cách viết các tên người, tên địa lí và cho biết mỗi tên riêng đó gồm mấy tiếng, chữ cái đầu của mỗi tiếng ấy được viết như thế nào...

3. Ghi nhớ:

- Khi viết tên người, tên địa lí Việt Nam cần viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó.

- GV giảng thêm: Với các dân tộc Tây Nguyên, cách viết một số tên người, tên đất có cấu tạo phức tạp hơn : Ba-na; Y-a-ly, Xu-đăng; Ê- đê...(sẽ học kĩ ở bài sau)

4. Luyện tập:

Bài 1: Viết tên em và địa chỉ gia đình em.

- Y/c HS làm việc cá nhân

- H/d chữa bài ; dẫn HS ghi nhớ cách viết hoa khi viết địa chỉ

- Tại sao phải viết hoa tên riêng đó?

Chốt: Cách viết hoa tên địa lí Việt Nam.

Bài 2: Viết tên một số xã ở huyện, tỉnh của em.

VD: xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Y/c HS tự làm bài và chữa bài

- Yêu cầu hs viết bảng nói rõ vì sao lại viết hoa từ đó mà không viết hoa từ khác?

Chốt: Tên riêng phải viết hoa.

GV giới thiệu thêm cho HS về 25 xã trong huyện và 12 huyện, TP trong tỉnh Hải Dương.

Bài 3: Viết tên ...và tìm trên bản đồ

-GV treo bản đồ huyện Thanh Hà

- Y/c HS quan sát bản đồ, tự tìm trong nhóm ghi vào nháp thành 2 cột

- Một số nhóm báo cáo

- GV nhận xét, tuyên dương

Chốt: Tên riêng phải viết hoa và viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng

C. Củng cố, dặn dò.

- Nêu lại cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam.

-GV nhận xét giờ học; dặn HS ghi nhớ cách viết hoa để vận dụng viết cho đúng chính tả. Dặn HS chuẩn bị bài sau: *Luyện tập viết tên người, tên địa lí VN.*

tạo thành tên đó

- 2 HS đọc ghi nhớ

- 1 HS nêu yêu cầu.

- HS làm trong vở

- Nhiều em đọc bài trước lớp

- HS giải thích vì đó là tên riêng.

- 1 HS đọc yêu cầu

- HS làm vở, 1 HS làm bảng nhóm + giải thích rõ vì sao viết hoa từ này mà không viết hoa từ khác

- HS nhận xét

- 1 HS đọc yêu cầu

- HS làm việc nhóm bốn; 2-3 nhóm viết trong bảng nhóm

- Đại diện 1 số nhóm trình bày+ chỉ trên bản đồ

- Các nhóm nhận xét, bổ sung

- 1 HS nhắc lại.

Tiết 4: **Khoa học**
PHÒNG BỆNH BÉO PHÌ

I. Yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết dấu hiệu và tác hại của bệnh béo phì.
- Nêu cách phòng bệnh béo phì:
 - + Ăn uống hợp lí, điều độ, ăn chậm, nhai kĩ.
 - + Năng vận động cơ thể, đi bộ và luyện tập TDDT
- GD HS có ý thức phòng tránh bệnh béo phì và vận động mọi người cùng phòng và chữa bệnh béo phì. GD các kĩ năng sống:
 - + KN giao tiếp hiệu quả: Nói với những người trong gia đình hoặc người khác nguyên nhân và cách phòng bệnh do ăn thừa chất dinh dưỡng; ứng xử đúng với bạn hoặc người khác bị béo phì.
 - + KN ra quyết định : Thay đổi thói quen ăn uống để phòng tránh bệnh béo phì.
 - + KN kiên định : Thực hiện chế độ ăn uống , hoạt động thể lực phù hợp.

II. Đồ dùng: - Tranh SGK (HĐ 2)

- Phiếu học tập (HĐ3)

III. Các hoạt động dạy học:**A. Kiểm tra bài cũ**

- Nêu cách phát hiện và đề phòng các bệnh do thiếu dinh dưỡng ?
- Nhận xét

B. Bài mới**1. Giới thiệu bài :** Nêu mục đích, yêu cầu tiết học**2. Các hoạt động :****Hoạt động 1: Tìm hiểu về bệnh béo phì**

-MT :Nhận dạng dấu hiệu béo phì ở trẻ em.Nêu được tác hại của bệnh béo phì.

- T/c hoạt động nhóm và phát phiếu học tập. (nội dung phiếu học tập trong sách thiết kế)

+ GV nhận xét chốt lời giải đúng.

Câu 1 : a,c,d

Câu 2 : d

Câu 3: a

KL: Người bị bệnh béo phì có những lớp mỡ quanh đầu,cánh tay trên, vú, cằm; cân nặng hơn người cùng tuổi có cùng chiều cao từ 5 kg lên, thường bị hụt hơi khi gắng sức; bệnh béo phì liên quan đến bệnh tim mạch, cao huyết áp và rối loạn khớp xương; lúc nhỏ đã bị béo phì thì sẽ dễ bị phát triển thành béo phì khi lớn.

Hoạt động 2: Thảo luận về nguyên nhân và cách phòng bệnh béo phì

-MT :Nêu được nguyên nhân,cách phòng chống bệnh béo phì.

- Y/c HS quan sát hình minh họa trong SGK và thảo

+ HS làm việc với phiếu học tập theo nhóm 4.
+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
+ Các nhóm khác bổ sung.

- Nhiều HS nêu lại cách nhận dạng bệnh và tác hại của bệnh

+ HS thảo luận nhóm đôi

luận:

- + Nguyên nhân gây nên béo phì là gì ?
- + Làm thế nào để phòng tránh béo phì ?

KL :Nguyên nhân gây béo phì do di truyền hoặc rối loạn nội tiết là rất ít mà chủ yếu là do những thói quen không tốt về mặt ăn uống như ăn quá nhiều, ít vận động. Khi phát hiện dấu hiệu cần điều chỉnh chế độ ăn uống, đi gặp bác sĩ để chuẩn đoán, điều trị kịp thời, chăm vận động hoặc tập TDTT, ...

Hoạt động 3: Đóng vai

-MT:Nêu nguyên nhân và cách phòng bệnh do thừa chất dinh dưỡng.

- GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận tự đưa ra một tình huống (GV gợi ý tình huống như : em bé nhà bạn có dấu hiệu béo phì nhưng rất thích ăn thịt và sữa...; Minh thấy mình nặng hơn các bạn 10 kg, ở các buổi liên hoan có rất nhiều thức ăn ngon mà Minh thích như bánh kẹo,nước ngọt...Minh sẽ phải làm gì?.....).

+ Tổ chức cho HS trình diễn.

+ GV nhận xét biểu dương nhóm diễn xuất tốt, xử lý tình huống hay.

sau đó phát biểu ý kiến.

- Nhận xét và bổ sung

- 1 số em nêu lại

- Hoạt động nhóm 4

+ Nhóm trưởng điều khiển các bạn phân vai theo tình huống nhóm đã đề ra .

+ Các vai hội ý lời thoại và diễn xuất. Các bạn khác góp ý kiến.

+ HS lên đóng vai, các HS khác liên hệ bản thân để đưa ra tình huống ứng xử đúng.

-HS nêu mục bạn cần biết.

3. củng cố dặn dò :

+Nêu lại dấu hiệu của bệnh béo phì? tác hại của bệnh?

+ Nêu lại nguyên nhân và cách phòng chống bệnh?

KNS: + Cần có thái độ thế nào với người bị béo phì?

- GV liên hệ thực tế đến hình dáng không đẹp của người bệnh, sự phiền phức họ gặp phải khi bị bệnh để giáo dục KNS cho HS

+ Nhận xét tiết học.Dẫn HS về học bài , vận dụng tốt bài học trong cuộc sống để giữ gìn SK, chuẩn bị bài sau: Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hóa

Buổi chiều

Tiết 1: **Tin học** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán ***

LUYỆN TẬP: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

I. Yêu cầu cần đạt:

- Củng cố nắm chắc cách thực hiện phép cộng, phép trừ; mối quan hệ phép tính cộng và tính trừ; tìm thành phần chưa biết trong phép tính, giải toán.
- Rèn kĩ năng làm tính, giải toán, trình bày bài giải khoa học.
- Giáo dục hs tích cực tự giác làm bài, góp phần phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ BT3

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: Ôn kiến thức lý thuyết

- Yêu cầu hs viết phép cộng và thực hiện tính.

- Muốn thử lại phép cộng làm thế nào ?
- Nêu cách thử lại của phép trừ ?
- Yêu cầu hs nêu cách tìm số hạng, số trừ, số bị trừ chưa biết ?

Chốt: Thử lại phép cộng ta làm tính trừ (lấy tổng trừ đi một số hạng nếu kết quả là số hạng còn lại thì phép tính đúng) ; Thử lại phép trừ lấy hiệu cộng số trừ nếu bằng SBT là phép tính đúng ; cách tìm SH, SBT chưa biết.

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1 : Tính rồi thử lại

$$32174 + 64326 \quad 78904 - 9178$$

$$729318 + 58492 \quad 375102 - 296048$$

- Nêu cách thực hiện phép cộng và phép trừ ?
- Muốn thử lại phép cộng và phép trừ thì làm thế nào ?

- Tự lấy 1 phép cộng và 1 phép tính trừ (số có 6 chữ số) rồi thực hiện tính và thử lại.

- GV theo dõi giúp đỡ

Chốt : Cách đặt tính rồi tính đối với phép cộng, phép trừ, cách thử lại

Bài 2 : Tìm x

a. $x - 56741 = 2764$

b. $69751 + x = 368\,435$

c. $x + 276 = 4893 - 372$

d. $48\,256 - x = 450 + 35\,684$

- Nhắc lại cách tìm số bị trừ, cách tìm số hạng ?

- Phần c, d có gì khác hai phần trên ? Nêu các bước làm ?

- Muốn kiểm tra lại kết quả ta làm thế nào ?

Chốt : Cách tìm thành phần chưa biết(số hạng, số bị trừ, số trừ)

Bài 3 : (BP)

Ô tô thứ nhất chở 2700 kg xi măng, ô tô thứ hai chở được 30 tạ xi măng, ô tô thứ ba chở được một số xi măng bằng trung bình cộng của hai ô tô đầu. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở bao nhiêu ki-lô-gam xi măng ?

- Để tìm được trung bình mỗi ô tô chở bao nhiêu ki-lô-gam phải biết những gì ?

- HS làm cá nhân vào bảng con, bảng lớp

- Lấy tổng trừ đi một số hạng

- Lấy hiệu cộng với số trừ

- HS lần lượt nêu

- Nhắc lại yêu cầu

- HS nêu lại cách làm

- KKHS tìm và viết vào vở phép tính của mình

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- 1 hs làm bảng lớp, chữa bài nhận xét.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- 1 hs làm bảng lớp, chữa bài nhận xét.

$$x - 56741 = 2764$$

$$x = 2764 + 56741$$

$$x = 59505$$

$$69751 + x = 368\,435$$

$$x = 368\,435 - 69751$$

$$x = 298684$$

- Làm cá nhân

- HS đọc đề, phân tích yêu cầu

- Tóm tắt bài toán

- Lập kế hoạch bài giải

- Biết tổng số kg xi măng cả 3

- Nêu cách tìm số xi măng xe ô tô thứ ba chở ?
- Khi giải bài toán cần lưu ý điều gì ?
- Nhận xét số xi măng chở ngày thứ ba và số xi măng trung bình mỗi xe chở ?
- Giải cách khác

Chốt : Giải bài toán tìm trung bình cộng của nhiều số.

Bài 4: Tìm một số biết rằng số đó trừ đi số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau, rồi trừ tiếp cho số nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau thì được số bé nhất có năm chữ số.

- Xác định số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau?
- Xác định số nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau?
- Xác định số bé nhất có năm chữ số?
- Nêu cách giải và giải bài toán

Gọi số cần tìm là x, ta có:

$$x - 9876 - 1023 = 10000$$

$$x - 9876 = 10000 + 1023$$

$$x - 9876 = 11023$$

$$x = 11023 + 9876$$

$$x = 20899$$

Chốt cách giải toán dạng tìm thành phần chưa biết

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu cách tìm thành phần chưa biết khi biểu thức có nhiều phép tính?
- Nhận xét giờ học.
- Nhắc hs ôn lại bài đã học.

xe chở

- Đơn vị đo ...
- Nêu các bước giải
- B1: Tìm số xi măng xe thứ 3 chở
- B2: Tìm số xi măng trung bình mỗi xe chở
- HS trình bày bài giải vào vở.
- +B1: Tìm số xi măng ô tô thứ ba chở .
- +B2: Tìm trung bình số xi măng mỗi xe chở .
- Kiểm tra lại kết quả bài toán

- Đọc đề bài, phân tích đề
- Lập kế hoạch bài giải

- Thảo luận nhóm đôi
- HS nêu các số: 9876; 1023; 10000

- KHHS nêu các bước giải
- Trình bày bài giải vào vở
- Đáp số: 20 899
- Kiểm tra lại kết quả

Tiết 3: **Âm nhạc** (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 19 tháng 10 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP CỘNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng.
- Bước đầu sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng thực hành tính.

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học, phát huy khả năng sáng tạo của hs.

II. Đồ dùng:

- Bảng phụ (HĐ 1) ; bảng con BT2

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ

Tính giá trị của biểu thức $c + d$ với:

a. $c = 698$; $d = 367$

b. $c = 57\text{cm}$; $d = 806\text{cm}$

- GV h/d chữa bài

B. Bài mới:

HĐ 1: Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng

- GV kẻ sẵn bảng như SGK vào bảng phụ, mỗi lần cho a và b nhận giá trị số thì yêu cầu HS tính giá trị của $a + b$ và của $b + a$ rồi so sánh 2 tổng này

VD: $a = 20$, $b = 30$ thì $a + b = 20 + 30 = 50$
và $b + a = 30 + 20 = 50$

Ta thấy $a + b = 50$ và $b + a = 50$

+ Hãy so sánh $a + b$ và $b + a$?

- GV cho HS nhận xét: Giá trị của $a + b$ và $b + a$ luôn luôn bằng nhau

- Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng như thế nào ?

KL : Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi

HĐ 2: Thực hành

Bài 1: Nêu kết quả tính

- Y/c HS Tự làm bài rồi chữa bài

- GV chữa bài cho HS và củng cố cho HS về tính chất giao hoán .

- Nhận xét.

a. $468 + 379 = 847$ b. $6509 + 2676 = 9385$

$379 + 468 = 847$ $2876 + 6509 = 9385$

c. $4268 + 76 = 4344$

$76 + 4268 = 4344$

- Làm sao em nêu được kết quả mà không cần tính?

Củng cố: Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng để tính nhanh kết quả.

Bài 2:

Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm:

- GV viết lên bảng $48 + 12 = 12 + \dots$

- HS làm bài trong bảng con; 1 HS làm trên bảng lớp

- Nhận xét

- HS tính nháp và nêu kết quả

- HS thực hiện tại chỗ, mỗi HS thực hiện tính ở một cột để hoàn thành bảng như sau:

	20	350
	30	20
b	$20 + 30 = 50$	$350 + 250 = 600$
a	$30 + 20 = 50$	$250 + 350 = 600$

- HS nêu: $a + b = b + a$

- 1 số em nhận xét

- KK HS đưa ra kết luận

- Vài HS nhắc lại

1 HS nêu yêu cầu bài tập

- HS tự nêu miệng kết quả và giải thích lí do

KKHS: Em dựa vào tính chất giao hoán.

- GV hỏi: Em viết số hay chữ vào chỗ trống trên, vì sao?

- Nêu cách làm

- Y/c HS tự làm bài

- GV chữa bài, nhận xét bài của HS

a. $48 + 12 = 12 + 48$

b. $m + n = n + m$

$65 + 297 = 297 + 65$

$84 + 0 = 0 + 84$

$177 + 89 = 89 + 177$

$a + 0 = 0 + a$

Chốt: Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng đó không thay đổi.

Bài 3. (Nếu còn thời gian)

- GV theo dõi, giúp đỡ hs.

- YC nêu miệng kết quả, giải thích cách so sánh khi không cần thực hiện tính.

3. Củng cố - dặn dò:

- Nêu tính chất giao hoán của phép cộng? Ví dụ?

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài, ghi nhớ tính chất này để vận dụng trong tính toán; ôn lại biểu thức có chứa 1,2 chữ và chuẩn bị bài sau: *Biểu thức có chứa 3 chữ.*

- Viết số 48. Vì khi ta đổi chỗ các số hạng của tổng $48 + 12$ thành $12 + 48$ thì tổng không thay đổi.

- HS dựa vào tính chất giao hoán để viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm làm trong bảng con:

$m + n = 2 + m$

$84 + 0 = 0 + 84$

$a + 0 = 0 + a = a \dots$

- HS làm cá nhân vào nháp và nêu kết quả; giải thích cách làm.

Tiết 2: Kể chuyện LỜI ƯỚC DƯỚI TRĂNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Những điều ước cao đẹp mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người.

- Nghe-kể lại được từng đoạn câu chuyện theo tranh minh hoạ (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện “ Lời ước dưới trăng (do GV kể).

- GDHS thích môn kể chuyện, có ý thức đọc sách.

GDBVMT: Kết hợp khai thác vẻ đẹp của ánh trăng để thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên với cuộc sống con người (đem đến niềm hy vọng tốt đẹp)

II. Đồ dùng dạy học.

- Tranh minh hoạ câu chuyện

III. Các hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi hs kể câu chuyện về lòng tự trọng mà em được nghe, được đọc

- Gọi hs nhận xét lời kể của bạn.

- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:

HD 1: Giáo viên kể chuyện

- Treo tranh minh họa cho câu chuyện
- Yêu cầu hs quan sát tranh, đọc lời dưới tranh thử đoán xem câu chuyện kể về ai? Nội dung truyện là gì?
- GV kể toàn truyện lần 1
- GV kể chuyện lần 2: vừa kể vừa chỉ vào từng tranh minh họa kết hợp với lời dưới mỗi bức tranh.

HD 2: Hướng dẫn kể chuyện

a. Kể trong nhóm

- GV chia nhóm 4 mỗi nhóm kể nội dung một bức tranh sau đó kể lại toàn truyện
- GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. (có thể gợi ý)
- + Tranh 1: Quê tác giả có phong tục gì? những lời nguyện ước đó có gì lạ?
- + Tranh 2: Tác giả chứng kiến tục lệ thiêng liêng này cùng với ai?
- + Đặc điểm về hình dáng nào của chị Ngân khiến tác giả nhớ nhất?

b. Kể trước lớp:

- Tổ chức cho hs thi kể trước lớp.
- Tổ chức cho hs thi kể toàn bộ câu chuyện.
- Gọi hs nhận xét
- Nhận xét, đánh giá

c. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

- Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung.
- Yêu cầu hs thảo luận nhóm và TLCH
- Gọi 1 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Nhận xét tuyên dương nhóm có ý tưởng hay
- Bình chọn nhóm có kết cục hay nhất và bạn kể

Đáp án:

- Cô gái mù trong câu chuyện cầu nguyện cho bác hàng xóm bên nhà được khỏi bệnh.

- HS quan sát và nêu
- Theo dõi GV kể
- Nghe và quan sát tranh.

- HS kể trong nhóm, hs khác lắng nghe, nhận xét góp ý cho bạn

- 4 HS tiếp nối nhau kể theo nội dung từng tranh.
- HS nhận xét

- 2 -> 3 HS tham gia thi kể.

- HS trao đổi với các bạn trong nhóm về nội dung câu chuyện theo các câu hỏi ở yêu cầu 3.

- Hành động của cô cho thấy cô là người nhân hậu, sống vì người khác.

- Kết cục vui cho câu chuyện có thể là: Mấy năm sau, cô bé ngày xưa tròn 15 tuổi. Đúng đêm rằm tháng Giêng, cô đã ước cho đôi mắt của chị Ngân sáng lại. Điều ước thật thiêng. Năm ấy, chị Ngân đã sáng mắt trở lại sau một ca phẫu thuật. Giờ chị sống rất hạnh phúc. Chị đã có gia đình: Một người chồng tốt bụng và một cô con gái 2 tuổi rất xinh xắn, bụ bẫm.

GDBVMT: ánh trăng đã đẹp lại có ý nghĩa vô cùng to lớn trong câu chuyện, nó đem đến niềm hy vọng tốt đẹp. Vậy ta cần BVMT để giữ cho MT trong sạch, giữ mãi vẻ đẹp của ánh trăng như xưa.

C. Củng cố, dặn dò

- Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (Những điều ước cao đẹp mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người nói điều ước, cho tất cả mọi người)
- GV nhận xét tiết học.
- Nhắc HS kể lại câu chuyện cho người thân nghe.

Tiết 3: Tập đọc Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI.

I. Yêu cầu cần đạt:

- Biết đọc trơn, trôi chảy, đúng với một văn bản kịch.
- + Biết đọc ngắt giọng rõ ràng, đủ để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật.
- + Biết đọc vở kịch với giọng rõ ràng, hồn nhiên, thể hiện được tâm trạng háo hức, ngạc nhiên, thán phục của Tin - tin và Mi - tin; thái độ tự tin, tự hào của những em bé của vương quốc Tương Lai. Biết hợp tác, phân vai đọc vở kịch.
- Hiểu nội dung: Những mong muốn của các bạn nhỏ ở Vương quốc Tương lai mà Tin -tin và Mi -tin gặp là những mong muốn tốt đẹp có nhiều phát minh phục vụ cuộc sống.

Điều chỉnh: Không hỏi câu hỏi 3, câu hỏi 4.

- Giáo dục hsy thức học tập tốt để trở thành những người công dân có ích cho xã hội .

II. Đồ dùng

- Tranh minh hoạ bài học.
- Bảng phụ viết sẵn những câu, đoạn cần hướng dẫn HS luyện đọc.

III. Hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ

- Gọi 2 HS đọc bài " Trung thu độc lập "
- Đọc một đoạn có hình ảnh em thích. Vì sao?.
- GV + HS nhận xét, đánh giá

B. Bài mới:

1. **Giới thiệu bài:** Treo tranh cho HS quan sát để giới thiệu bài.

2. Nội dung

Hoạt động 1: Luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.
- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.
- Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài, GV treo bảng phụ hướng dẫn HS cách ngắt giọng khi đọc văn bản kịch để phân biệt tên nhân vật và lời nói của nhân vật:

Tin- tin://- Cậu đang làm gì với đôi cánh xanh ấy?//

Em bé thứ nhất:// - Mình sẽ dùng nó vào việc sáng chế trên trái đất. //

Tin-tin://- Cậu sáng chế cái gì?

Em bé thứ nhất: //- Khi nào ra đời, mình sẽ chế ra một vật làm cho con người hạnh phúc.

Tin -tin://- Vật đó ăn ngon chứ?// Nó có ồn ào không?

- Đọc đúng từ ngữ : *xứ sở, trò chuyện, Tin-tin, Mi-tin, sáng chế, trường sinh,..*

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *thuốc trường sinh,*

- GV đọc mẫu với giọng rõ ràng, hồn nhiên, thể hiện được tâm trạng háo hức, ngạc nhiên, thần phục của Tin - tin và Mi – tin.

Hoạt động 2 : Tìm hiểu bài

GV tổ chức cho HS đối thoại, tìm hiểu nội dung và TLCH:

- Tin-tin, Mi-tin đến những đâu và gặp những ai?

- Vì sao nơi đó có tên là Vương quốc Tương Lai?

- Các bạn nhỏ ở công xưởng xanh sáng chế ra những gì?

- 2 đoạn

Đoạn 1: Trong công xưởng xanh

Đoạn 2: Trong khu vườn kì diệu

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài

- 2 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt hơi câu.

- 2 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

-Hai bạn nhỏ đến Vương quốc Tương lai, trò chuyện với những bạn nhỏ sắp ra đời

-Vì những người sống trong Vương quốc này vẫn chưa ra đời, chưa sinh ra trong thế giới hiện tại của chúng ta.

-Vật làm cho con người hạnh phúc, ba mươi vị thuốc trường sinh, một

- Các phát minh ấy thể hiện những mơ gì của con người? Ý 1: Những phát minh của các bạn nhỏ trong công xưởng xanh - Kể tên những trái cây mà Tin -tin, Mi-tin thấy trong khu vườn kì diệu . Ý2: Giới thiệu những trái cây lạ của vương quốc Tương Lai. -Nội dung của bài? Chốt: Vở kịch nói lên những mong muốn của các bạn nhỏ ở vương quốc tương lai mà Tin -tin và Mi -tin gặp là những mong muốn tốt đẹp có nhiều phát minh phục vụ cuộc sống. -Theo em, những điều gì mơ ước ở trong Vương quốc Tương Lai nay đã thành hiện thực ở thế giới của chúng ta? Hoạt động 3: Đọc diễn cảm - GV hướng dẫn đọc diễn cảm -Yêu cầu HS luyện đọc hai màn theo cách phân vai - Tổ chức thi đọc - GV+ HS nhận xét, đánh giá 3. Củng cố, dặn dò. -Vở kịch nói lên điều gì? - GV nhận xét tiết học - Dặn HS về nhà luyện đọc và chuẩn bị bài: <i>Nếu chúng mình có phép lạ</i>	loại ánh sáng kì lạ, một cái máy biết bay, biết dò tìm những kho báu còn dấu kín trên mặt trăng . -Ước mơ được sống hạnh phúc, sống lâu, sống trong môi trường tràn đầy ánh sáng, chinh phục được mặt trăng. - Chùm nho, quả lê, quả dưa, quả táo. HS luyện đọc nhóm 6 - 2 nhóm thi đọc diễn cảm theo cách phân vai. - HS nhận xét
--	--

Tiết 4: **Kĩ thuật**

KHÂU GHÉP HAI MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU THƯỜNG (Tiết 2)

I. Yêu cầu cần đạt:

- HS biết cách khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường. Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chừa đều nhau. Đường khâu có thể bị dùm.
- Tiếp tục rèn kĩ năng khâu cho HS để áp dụng vào cuộc sống
- Giáo dục HS tính kiên trì, cẩn thận và sự khéo léo; có ý thức học tập môn học.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu khâu ghép hai mép vải bằng các mũi khâu thường.
- 2 mảnh vải trắng hoặc màu hình chữ nhật kích thước 20×10cm.

- Chỉ màu, kim khâu, kéo, thước, phấn. Bảng phụ.

III. Hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Nêu các bước khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường?
- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- Nhận xét.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: HS thực hành khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường.

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại quy trình khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường, gồm 3 bước: <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Vạch dấu đường khâu + Bước 2: Khâu lược + Bước 3: Khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường. - GV treo bảng phụ ghi rõ quy trình khâu gọi hs đọc lại. - Nhắc lại một số điểm lưu ý khi thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Vạch dấu trên mặt trái của một mảnh vải. + Úp mặt phải của hai mảnh vải vào nhau và xếp cho hai mép vải bằng nhau rồi mới khâu. + Sau mỗi lần rút kim cần vuốt các mũi khâu cho thẳng rồi mới khâu tiếp. - Thực hành khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường. - GV quan sát, theo dõi chung, giúp đỡ và uốn nắn cho những học sinh còn lúng túng. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại quy trình khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường - HS nêu một số lưu ý khi thực hiện khâu - 1 hs thực hiện thao tác, lớp quan sát. - HS thực hành khâu, hỗ trợ nhau theo nhóm đôi. |
|--|---|

Hoạt động 2: Đánh giá kết quả thực hành.

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu hs trưng bày sản phẩm. - Đánh giá sản phẩm. Tiêu chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> + Khâu ghép được hai mép vải theo cạnh dài của mảnh vải. Đường khâu cách đều mép vải. + Đường khâu ở mặt trái của hai mảnh vải tương đối thẳng. + Các mũi khâu tương đối bằng nhau và cách đều nhau. + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định. - GV nhận xét tuyên dương học sinh làm tốt. | <ul style="list-style-type: none"> - HS trưng bày sản phẩm - HS đọc để nắm được tiêu chuẩn đánh giá. - HS tự đánh giá sản phẩm của mình theo các tiêu chuẩn trên. |
|---|--|

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu các bước thực hiện khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường
- Nhận xét tiết học
- Chuẩn bị đồ dùng cho bài sau: Bộ đồ dùng cắt khâu thêu học bài: *Khâu đột thưa*.

Buổi chiều:**Tiết 1: Tiếng Việt*****LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÝ VIỆT NAM****I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố cho HS cách viết tên người, tên địa lý Việt Nam
- Biết vận dụng những hiểu biết về quy tắc viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam để viết đúng một số tên riêng Việt Nam.
- GDHS yêu thích tiếng Việt, có ý thức viết đúng chính tả

II. Đồ dùng:

- Bảng phụ ghi BT1

III. Các hoạt động dạy - học**HD 1 : Củng cố lý thuyết**

- Tên người và tên địa lý Việt Nam cần được viết như thế nào ?

- Yêu cầu HS lấy ví dụ .

- Nhận xét

Lưu ý thêm trường hợp phần lớn tên riêng của người, địa lý các dân tộc ít người (ở Tây Nguyên) không viết theo quy tắc tiếng Việt: thác Y-a-ly; dân tộc Ba-na; Y-moan....

B. Luyện tập :

Bài 1: Viết lại cho đúng tên người , tên địa lý Việt Nam sau đây vào hai cột ở dưới :(bp)

Triệu thị trinh , Hải phòng , trần Quốc toàn , cửu long , nguyên văn Trỗi , Ngự bình , Nguyễn bá ngọc , Vàm cỏ đông , tôn nữ nguyệt minh, Côn đảo

- Khi viết tên người, tên địa lý Việt Nam, cần viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó

- 2 HS lên bảng viết hai tên người và hai tên địa lý Việt Nam. HS dưới lớp viết trong bảng con .

1 HS nêu yêu cầu của bài

- 1 HS nhắc lại cách viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam

- HS làm bài cá nhân vào vở; 1 HS làm trong bảng phụ gắn trên bảng

- Chữa bài trên bảng phụ, nhận xét

Tên người	Tên địa lý
.....	
.....	

- Nhận xét cách viết tên người và tên địa lý có trong bài?

- Nêu các tên người có trong bài, các tên địa lý trong bài.

-Nêu những hiểu biết của em về những người, địa danh được nhắc tới trong bài.

- GV chữa bài cho HS

Chốt: cách viết hoa tên người và tên địa danh.

Bài 2 : Tìm và viết hoa đúng tên riêng.

a)Viết tên ba vị anh hùng dân tộc trong lịch sử mà em biết.

b) Viết tên ba nhà văn, nhà thơ Việt Nam.

c) Viết tên ba nhạc sỹ Việt Nam.

d) Viết tên ba nghệ sỹ hài hoặc ca sỹ mà em biết.

-HS tìm nhiều tên cho mỗi trường hợp

- GV h/d chữa bài cho HS

Lồng ghép GD lịch sử(phần a)

Chốt: cách viết hoa tên người .

Bài 3 : Em hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu tên xã, huyện, tỉnh nơi em đang sinh sống.

-Giới thiệu được một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở tỉnh em .

- Cho HS viết đoạn văn vào vở , GV theo dõi giúp đỡ HS còn lúng túng.

- Gọi HS trình bày đoạn văn

- Nhận xét tuyên dương HS viết hay.

Chốt cách viết đoạn văn theo yêu cầu.

- KKHS nêu hiểu biết của mình

-1 HS nêu yêu cầu của bài

- HS tự tìm và viết vào vở; 1 HS viết trong bảng nhóm - gắn trên bảng

- Nhiều HS nêu kết quả

a. Lê Lợi, Hai Bà Trưng, Quang Trung, Nguyễn Trãi...

b. Tô Hoài, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Khoa Điềm,

c,Lưu Hữu Phước, Phạm Tuyên, Văn Cao...

d,Thu Hiền, Tụ Long, Xuân Hinh, Anh Thơ...

- HS nhận xét

-1 HS nêu yêu cầu của bài

- HS viết đoạn văn vào vở

- HS trình bày đoạn văn của mình , HS khác nghe, bình chọn bạn viết hay nhất .

Em sinh ra và lớn lên ở thị trấn Thanh Hà huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Khi về với Hải Dương là các bạn về với Côn Sơn, nơi có rừng thông reo và tiếng suối chảy róc rách đêm ngày .Và đặc biệt Côn Sơn là nơi gắn với cuộc đời của anh hùng dân tộc - danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi. Đến với Hải Dương là đến với Kiếp Bạc, nơi thờ vị danh tướng Hưng Đạo Đại VươngTrần

3. Củng cố - dặn dò

- Khi viết tên người, tên địa lý Việt Nam cần chú ý điều gì?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS ghi nhớ cách viết để viết cho đúng chính tả.

Tiết 2: Tiếng Việt***LUYỆN TẬP : MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUNG THỰC- TỰ TRỌNG.****I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố về các từ ngữ đã học thuộc chủ điểm; nghĩa của tiếng “ trung” và tiếng “ tự”
- Làm đ- ọc các bài tập về nghĩa của tiếng *trung*, tiếng *tự*, tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa; điền từ thích hợp vào ô trống.
- HS yêu thích môn học, tự giác học tập

II- Đồ dùng: bảng phụ, bảng con**III- Hoạt động dạy học****A. Củng cố kiến thức**

? Tiếng “ trung” có mấy nghĩa. VD

? Trong từ “ tự trọng” tiếng “ tự” có nghĩa là gì

- GV ghi tóm tắt lên bảng

B. bài tập:

Bài 1: a) Ghi lại 3 từ có tiếng “ trung”

- Với nghĩa là “ ở giữa”:

- Với nghĩa là “ một lòng một dạ”

b) Với mỗi nhóm chọn một từ và đặt câu với mỗi từ đó

- GV đánh giá bài làm, bổ sung từ cho HS

a) trung tâm, trung bình, không trung, ...

b) trung thành, trung hiếu, trung thực, trung nghĩa, trung kiên, trung hậu, ...

- *Củng cố nghĩa của tiếng “trung” trong từ Hán- Việt*

Bài 2: GV treo bảng phụ

Gạch bỏ từ không cùng nghĩa với từ “ *trung thực*” trong mỗi dãy từ sau:

a, thật thà, thật sự, thật lòng, thành thật, thật tình

b, thẳng thắn, thẳng tính, ngay ngắn, ngay thẳng, ngay thật.

- GV yêu cầu hs đọc, xác định yêu cầu

- GV đọc từng nhóm yêu cầu HS ghi từ cần gạch bỏ ở mỗi nhóm vào bảng con.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng:

a) thật sự, b) ngay ngắn

Hãy giải thích cách làm.

- CC về từ đồng nghĩa với từ *trung thực*

- HS lần l- ợt trả lời các câu hỏi

- HS thực hiện bài tập vào vở

- KK học sinh tìm nhiều từ hơn

- HS xác định yêu cầu của bài tập

- HS làm vào bảng con: Ghi từ gạch ở mỗi nhóm.

- KK học sinh GT: VD: *ngay ngắn* là tư thế ngồi học đúng cách. Vậy từ *ngay ngắn* không cùng nghĩa với từ *trung thực*.

(trong từ có chứa tiếng thẳng, ngay, thật)

Bài 3: Gạch bỏ từ dùng sai trong các câu sau và thay lại bằng từ khác cho đúng:

- a) Lan rất thật sự với bạn bè.
- b) Chị ấy rất tự ái nên không cho ai biết hoàn cảnh của mình.

GV gợi ý: Để gạch bỏ đúng từ dùng sai trong từng câu em cần dựa vào đâu?

- GV nhận xét một số bài, chốt đáp án đúng:
- a, từ “ thật sự”, từ thay thế là: thật lòng, thành thật, thật tâm, hoặc thật tình
- b, từ “ tự ái”, từ thay thế là: tự trọng

Chốt cách dùng từ cho phù hợp với câu văn

Bài 4: Viết đoạn văn 3- 5 câu giới thiệu về một ng- ời trung thực, tự trọng sống quanh em.

- Gợi ý dàn bài:
- + GT người có tính trung thực
- + Em biết được tính trung thực của người đó qua việc làm nào?
- + Tình cảm của em với người em đã kể
- GV yêu cầu HS tự viết vào vở.
- Một số HS đọc bài làm:

VD: *Cả lớp em ai cũng quý bạn Hà vì bạn Hà là không những học giỏi mà bạn còn là người trung thực. Em nhớ có một lần, em cùng bạn đang chơi ở sân cỏ sau trường. Hà bỗng nhiên nhìn thấy một chiếc bút rất đẹp không biết ai đánh rơi. Bạn nhặt lên ngắm nghía có vẻ rất thích thú. Nhưng bạn bỗng chạy nhanh về phòng đoàn đội. Hóa ra bạn đưa chiếc bút đó cho cô Hương tổng phụ trách Đội để trả người đánh mất. Em rất vui được làm bạn với bạn.*

- GV nhận xét một số bài về nội dung, viết câu, dùng từ.

3. Cùng cố- dặn dò:

- GV hệ thống lại bài học
- Nhận xét giờ học

- HS xác định yêu cầu bài tập.

- dựa vào nội dung câu văn.

- HS trao đổi nhóm đôi, tìm từ bị dùng sai
- HS nêu đáp án.
- HS tự sửa cá nhân vào vở

- HS suy nghĩ về ng- ời sẽ viết: là ai, tính trung thực của ng- ời đó biểu hiện ở những việc làm nào?, tình cảm của em và mọi ng- ời xung quanh đối với ng- ời đó.

- 1 HS làm mẫu, HS tự viết vào vở
- HS đọc bài làm

- HS ghi nhớ nội dung đã học.

Tiết 3: **Toán ***

LUYỆN TẬP BIỂU THỨC CÓ CHỨA HAI CHỮ

I. Yêu cầu cần đạt:

- HS ôn về biểu thức đơn giản có chứa 2 chữ.
- Biết tính giá trị của một số biểu thức đơn giản có chứa 2 chữ.

- GD HS say mê học toán.

II. Đồ dùng: Bảng phụ, phiếu học tập

III. Các hoạt động dạy – học:

1. Ôn và củng cố lý thuyết :

- Em hãy lấy ví dụ về biểu thức có chứa hai chữ ?
- Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được gì ?
- Yêu cầu HS tự thay chữ bằng số rồi tính giá trị của biểu thức mà mình nêu .
- Nhận xét, cho điểm HS

2) Luyện tập :

Bài 1 : Trong các biểu thức sau đây, biểu thức nào là biểu thức có chứa hai chữ ?

$a + 6$; $m \times n$; $98 - a + b$; $a \times b \times c$; $45 : n$;
 $a : b + 9$; $12 + a + b$

- Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trình bày .
- GV chốt ý kiến đúng và củng cố cho HS về biểu thức có chứa hai chữ .

Bài 2: GV treo bảng phụ chép sẵn đề toán

Viết giá trị thích hợp của biểu thức vào ô trống :

a	125	7896	3409
b	5	4	7
$a+b$			
$a-b$			
$a \times b$			
$a : b$			

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài
- Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được gì ?
- GV củng cố cho HS cách tính giá trị của biểu thức có 2 chữ số .

Bài 3 : GV treo bảng phụ

1. Giá trị của biểu thức $a + b$ là 1245, tính b nếu :

a) $a = 789$ b) $a = 456$ c) $a = 948$

2. Giá trị của biểu thức $m \times n$ là 31884, tính m nếu :

a) $n = 2$ b) $n = 4$ c) $n = 6$

3. Giá trị của biểu thức $a \times b$ là số lớn nhất có ba chữ số, tính b nếu biết a là số lớn nhất có một chữ số ?

Gọi HS đọc yêu cầu

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài
- GV chữa bài và củng cố cho HS cách tính giá trị của một chữ số khi biết giá trị của chữ số

- Vài HS lấy ví dụ: $a+b$, $a-b$, $m \times n$
 $m : n$, ...

- Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được một giá trị của biểu thức
- HS lên bảng làm bài

- 2 HS đọc yêu cầu
- HS thảo luận cặp đôi
- HS phát biểu ý kiến

- 2 HS đọc yêu cầu
- HS K- G nêu cách làm
- HS tự làm bài vào phiếu học tập
- 1 HS lên bảng làm bài vào bảng phụ (HS yếu, TB làm hai cột đầu)
- HS nhận xét, sửa sai

- Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được một giá trị của biểu thức

- 2 HS đọc yêu cầu
- HS K- G nêu cách làm
- HS tự làm bài
- (HS K- G làm thêm phần 3)
- 1 HS lên bảng làm, lớp làm nháp

kia .

3. Củng cố - dặn dò

- Thế nào là biểu thức có chứa 2 chữ?
- Nhận xét tiết học.

*Thứ 5 ngày 20 tháng 10 năm 2022***Buổi sáng**Tiết 1: **Toán****BIỂU THỨC CÓ CHỨA BA CHỮ****I. Yêu cầu cần đạt:**

- Giúp HS nhận biết một số biểu thức đơn giản có chứa 3 chữ.
- Biết tính giá trị của một biểu thức đơn giản có chứa 3 chữ.
- GD HS ý thức chăm học tìm tòi sáng tạo.

II. Đồ dùng:

-Bảng phụ HD1

III. Các hoạt động dạy - học:**A. Kiểm tra bài cũ**

- Y/c HS thực hiện phép cộng và sử dụng t/c giao hoán để thử lại

$$\begin{array}{r} 466 \\ +175 \\ \hline 641 \end{array} \quad \begin{array}{r} \underline{TL} \\ + 466 \\ \hline 641 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4268 \\ + 76 \\ \hline 4344 \end{array} \quad \begin{array}{r} \underline{TL} \\ + 4268 \\ \hline 4344 \end{array}$$

B. Bài mới:**1. Giới thiệu biểu thức có chứa ba chữ:**

Ví dụ: An, Bình, Cường cùng đi câu cá. An câu được con cá, Bình câu được con cá. Cường câu được ... con cá. Cả 3 bạn câu.... con cá.

- Nếu số cá của An là 2 con, số cá của Bình là 3 con, số cá của Cường là 4 con thì số cá của 3 người là bao nhiêu?

- GV hỏi và viết số cá cả ba bạn câu trong bảng phụ

- GV nghe HS trả lời và viết 2 vào cột *Số cá của An*, viết 3 vào cột *Số cá của Bình*, viết 4 vào cột *Số cá của Cường*, viết $2 + 3 + 4$ vào cột *Số cá của cả ba người*.

- GV làm tương tự với các trường hợp khác.

- GV nêu vấn đề: Nếu An câu được a con cá, Bình câu được b con cá, Cường câu được c con cá thì cả ba người câu được bao nhiêu con cá?

Số cá của An	Số cá của Bình	Số cá của Cường	Số cá của cả ba người
2	3	4	$2 + 3 + 4$
5	1	0	$5 + 1 + 0$
1	0	2	$1 + 0 + 2$
a	b	c	$a + b + c$

- 2 HS nêu tính chất giao hoán của phép cộng.

- 2 HS làm bài trên bảng, cả lớp làm vào nháp
- HS nhận xét và đánh giá

- Học sinh nêu bài toán trong SGK.
- Treo bảng phụ.

- HS trả lời

- Tương tự với các trường hợp còn lại. Học sinh tự nêu.

- Biểu thức $a+b+c$ có gì khác với các biểu thức có chứa chữ đã học?

GV chốt: $a + b + c$ là biểu thức có chứa 3 chữ.

VD: $a \times b + c$

$n + m + p$

2. Giá trị của biểu thức có chứa 3 chữ.

- GV h/d tìm số cá cụ thể 3 người câu được trong từng trường hợp ở VD trên:

Nếu $a=2$, $b = 3$ và $c = 4$ thì $a + b + c$ bằng bao nhiêu?

Nếu $a = 2$; $b = 3$; $c = 4$; thì

$a + b + c = 2 + 3 + 4 = 9$ (9 là một giá trị của biểu thức $a+b+c$)

- GV làm tương tự với các trường hợp còn lại.

- Khi biết giá trị cụ thể của a , b , c , muốn tính giá trị của biểu thức $a + b + c$ ta làm như thế nào?

- Mỗi lần thay các chữ a , b , c bằng các số ta tính được gì?

- Vậy em có nhận xét gì về giá trị của biểu thức có chứa 3 chữ?

KL: Mỗi lần thay chữ bằng số ta lại tìm được một giá trị của biểu thức $a+b+c$.

3. Luyện tập:

Bài 1: Tính giá trị biểu thức $a+b+c$...

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?

- GV yêu cầu HS đọc biểu thức trong bài, sau đó làm bài.

a. Nếu $a=5$, $b=7$, $c=10$ thì $a+b+c = 5+7+10=22$

b. Nếu $a=12$, $b=15$, $c=9$ thì $a+b+c = 12+15+9= 26$

Củng cố cho HS cách tính giá trị của biểu thức có chứa 3 chữ

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

$a \times b \times c$...

- Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa bài

a. Nếu $a=9$, $b=5$, $c=2$ thì $a \times b \times c = 9 \times 5 \times 2=90$

b. Nếu $a=15$, $b=0$, $c=37$ thì $a \times b \times c = 15 \times 0 \times 7= 0$

-So sánh sự khác nhau giữa biểu thức có chứa 3 chữ ở BT2 với BT1?

Tiếp tục củng cố cho HS cách tính giá trị của biểu thức có chứa 3 chữ

Bài 3: (nếu còn thời gian)

- Cho HS tự làm bài rồi chữa bài /bảng lớp

a. Nếu $m=10$, $n=5$, $p=2$ thì $m+n+p = 10+5 +2= 17$

Nếu $m=10$, $n=5$, $p=2$ thì $m+(n+p)=10+(5 +2)= 17$

b. Nếu $m=10$, $n=5$, $p=2$ thì $m- n- p =10-5 -2= 3$

- HS quan sát và nêu ý kiến: biểu thức này có chứa 3 chữ...

- HS lấy thêm các ví dụ khác về biểu thức có chứa 3 chữ

- HS Tính và nêu giá trị của biểu thức ở từng trường hợp

- HS nêu ý kiến

- 1 HS nêu yêu cầu B1

-Học sinh tự làm bài cá nhân trong nháp

- HS chữa bài miệng (Khi nêu bài chữa học sinh cần nêu đầy đủ.)

-1HS nêu yêu cầu B2

- HS làm trong vở nháp.

- 2 HS lên chữa / bảng.

- HS nhận xét

-1HS nêu yêu cầu B3.

- HS tự làm bài cá nhân.

- HS nêu miệng bài làm

Nếu $m=10, n=5, p=2$ thì $m - (n + p) = 10 - (5 + 2) = 3$

c. Nếu $m=10, n=5, p=2$ thì $m - n \times p = 10 - 5 \times 2 = 0$

Nếu $m=10, n=5, p=2$ thì $(m+n) \times p = (10+5) \times 2 = 30$

Chốt: Cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với nhiều dấu phép tính (thay chữ bằng số rồi thực hiện tính như tính giá trị biểu thức số)

- HS so sánh kết quả 2 biểu thức trong mỗi phần và rút ra nhận xét
- 2 HS nêu

4. **Củng cố- dặn dò:**

- + Thế nào là biểu thức có chứa 3 chữ ?
- + Nêu ví dụ về biểu thức có chứa 3 chữ?
- GV nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài sau: *Tính chất kết hợp của phép cộng*

2: **Tập làm văn**

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN KỂ CHUYỆN

I. Yêu cầu cần đạt:

- Củng cố kiến thức về đoạn văn trong bài văn kể chuyện; biết cách xây dựng đoạn văn KC.
- Dựa vào hiểu biết về đoạn văn đã học, bước đầu biết hoàn chỉnh đoạn văn của câu chuyện Vào nghề (đã cho sẵn cốt truyện) với 3 phần : Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
- Rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt hay, lời văn sáng tạo; nhận xét bài của mình, của bạn.
- GD sự quyết tâm khi làm một việc gì đó.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ ghi ví dụ BT2

III. Hoạt động dạy học chủ yếu:

A. Kiểm tra bài cũ

- Y/c HS kể lại câu chuyện Ba lưỡi rìu
- Nhận xét

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài

Bài 1: Đọc cốt truyện .

- GV yêu cầu HS nêu các sự việc chính trong cốt truyện. GV ghi bảng

Chốt đáp án: Cốt truyện có 4 tình tiết:

- + Va-li-a mơ ước trở thành diễn viên xiếc biểu diễn tiết mục phi ngựa đánh đàn.
- + Va-li-a xin học nghề ở rạp xiếc và được giao việc quét dọn chuồng ngựa.
- + Va-li-a đã giữ chuồng ngựa sạch sẽ và làm quen với chú ngựa trong suốt thời gian học.
- + Sau này, Va-li-a trở thành một diễn viên

- 3 HS lên bảng, mỗi HS kể 2 bức tranh truyện: Ba lưỡi rìu
- 1 HS kể toàn truyện

- 1 HS đọc cốt truyện
- Cả lớp đọc thầm và thảo luận nhóm 4.
- phân tích các tình tiết chính của cốt truyện (diễn đạt mỗi tình tiết bằng một câu)

- 1 HS nêu lại cốt truyện Vào nghề

giỏi như em hằng mơ ước.

Bài 2: Bạn Hà viết thử cả 4 đoạn của câu chuyện trên, nhưng chưa viết được đoạn nào hoàn chỉnh. Em hãy giúp bạn hoàn chỉnh 1 trong các đoạn ấy.

- H/d tìm hiểu y/c và làm mẫu đoạn 1

+H/d HS tìm các ý có liên quan cho câu chuyện thêm phần hấp dẫn (về tình huống, hành động, lời nói, đặc điểm ngoại hình của nhân vật, cảm tưởng của nhân vật ...) để phát triển tình tiết thành đoạn văn

VD: *Đoạn1: (bảng phụ)*

+ *Mở đoạn:* Tết Nô-en năm ấy, cô bé Va-li-a được bố mẹ cho đi xem xiếc.

+ *Thân đoạn:* Chương trình xiếc hôm ấy hay tuyệt, nhưng Va-li-a thích hơn cả là tiết mục *Cô gái phi ngựa đánh đàn*. Cô gái phi ngựa thật dũng cảm. Hai tay cô không nắm cương ngựa, cô ôm cây đàn. Và tiếng đàn của cô mới hấp dẫn lòng người làm sao. Va-li-a vô cùng khâm phục, ngưỡng mộ cô gái tài ba ấy.

+ *Kết đoạn:* Từ đó, lúc nào trong trí óc non nớt của va-li-a cũng hiện lên hình ảnh cô diễn viên phi ngựa. Va-li-a mơ ước một ngày nào đó cũng được như cô: phi ngựa và đánh các bản nhạc rộn rã.

- T/c hoạt động nhóm cho HS xây dựng đoạn 2, 3, 4

- H/d nhận xét và bổ sung cho các em

-2 HS đọc yêu cầu .

- Cả lớp đọc thầm cả 4 đoạn văn chưa hoàn chỉnh của câu chuyện

- 1 số em nêu ý kiến về các ý phát triển tình tiết 1

- KKHS hoàn thành được 4 đoạn của bài với lời kể sáng tạo.

- HS đọc đoạn đã làm mẫu

Đoạn2:

Mở đầu: Rồi một hôm, rạp xiếc thông báo tuyển diễn viên. Va- li- a xin bố mẹ cho ghi tên học nghề.

Diễn biến: Sáng hôm ấy, em bé đến gặp bác giám đốc rạp xiếc. Bác dẫn em đến chuồng ngựa. Ở đó có một chú ngựa bạch tuyệt đẹp, bác chỉ con ngựa và bảo: “Công việc của cháu bây giờ là chăm sóc chú ngựa bạch này, cho ngựa ăn uống và quét dọn chuồng ngựa thật sạch sẽ”. Va-li- a rất ngạc nhiên với diễn viên xiếc mà phải đi quét chuồng ngựa. Nhưng em vẫn cầm lấy chổi.

Kết thúc: Bác giám đốc gật đầu cười bảo em; “Công việc của diễn viên phi ngựa, đánh đàn bắt đầu như thế đấy cháu ạ. Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên”.

- HS làm nhóm đôi, mỗi nhóm hoàn chỉnh ít nhất 2 đoạn

- Đại diện nhóm đọc kết quả trước lớp.

- HS nhận xét, bổ sung

- Nhiều HS nêu ý kiến: miêu tả hành động, lời nói, ý nghĩ, miêu tả ngoại hình n/v

3. Củng cố, dặn dò.

- Đề xây dựng được đoạn văn từ 1 tình tiết , chúng ta cần thêm vào những gì?

- Nhận xét tiết học. Khuyến khích HS về thực hành xây dựng lại 2 đoạn văn trong BT2 cho hay hơn dựa theo bài làm của bạn hoặc nhận xét, bổ sung của cô. Dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Luyện tập phát triển câu chuyện

Tiết 3: **Địa lí**
MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN.

I. Yêu cầu cần đạt:

- Biết Tây Nguyên có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Kinh...nhưng lại là nơi thưa dân nhất nước ta.
- Sử dụng được tranh ảnh để mô tả trang phục của một số dân tộc ở Tây Nguyên: trang phục truyền thống như nam thường đóng khố, nữ thường quần váy.
- Yêu quý các dân tộc ở Tây Nguyên và có ý thức tôn trọng truyền thống văn hoá của các dân tộc.

II. Đồ dùng dạy học.

- GV: Ảnh chụp nhà rông

III. Các hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên một số cao nguyên ở Tây Nguyên?
- Nêu đặc điểm khí hậu của Tây Nguyên?
- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Tây nguyên - nơi có nhiều dân tộc chung sống

- GV yêu cầu hs đọc mục I trong sgk và TLCH
- + Kể tên một số dân tộc sống ở Tây Nguyên ?
- + Trong những dân tộc đó, những dân tộc nào sống lâu đời ở Tây Nguyên ? Những dân tộc nào từ nơi khác đến ?

+ Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có những đặc điểm gì riêng biệt ? (tiếng nói, tập quán, sinh hoạt)

Lồng ghép GDQP: Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của các dân tộc Tây Nguyên cùng với bộ đội trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

+ Để Tây Nguyên ngày càng giàu đẹp, nhà nước cùng các dân tộc ở đây đã và đang làm gì ?

- GV giúp hs hoàn thiện câu trả lời

Chốt: Tây Nguyên tuy có nhiều dân tộc cùng chung sống nhưng đây lại là nơi thưa dân nhất nước ta.

Hoạt động 2: Nhà rông ở Tây Nguyên

- Treo tranh nhà rông

- HS đọc sgk mục 1 và suy nghĩ trả lời các câu hỏi.
- hs trả lời trước lớp, hs khác nhận xét và bổ sung

- Yêu cầu hs dựa vào mục 2 trong sgk và tranh, ảnh về nhà ở, buôn làng, nhà rông của các dân tộc ở Tây Nguyên và TLCH.

- GV cho hs hoạt động theo nhóm 4

+ Mỗi buôn ở Tây Nguyên thường có ngôi nhà gì đặc biệt ?

+ Nhà rông ở Tây Nguyên được dùng để làm gì? hãy mô tả về nhà rông (Nhà nhỏ hay to? Làm bằng vật liệu gì? Mái nhà cao hay thấp?)

+ Sự to, đẹp của nhà rông biểu hiện cho điều gì ?

- Quan sát tranh mô tả nhà rông ở Tây Nguyên.

- GV giúp hs hoàn thiện các câu trả lời và chốt .

Nhà rông là ngôi nhà chung lớn nhất của buôn, nơi diễn ra các hoạt động như hội họp, tiếp khách, sinh hoạt tập thể của cả buôn.

Hoạt động 3: Trang phục và lễ hội

- Yêu cầu các nhóm dựa vào mục 3 trong sgk, các hình và thảo luận:

+ Người dân tây nguyên nam , nữ thường mặc như thế nào?

+ Nhận xét về trang phục truyền thống của các dân tộc trong hình 1, 2, 3 .?

+ Lễ hội ở Tây Nguyên thường được tổ chức khi nào ?

+ Kể tên một số lễ hội đặc sắc ở Tây Nguyên ?

+ Người dân ở Tây Nguyên thường làm gì trong các lễ hội ?

+ Họ thường dùng những loại nhạc cụ độc đáo nào

- Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả

- GV nhận xét, bổ sung.

Chốt: Ở Tây Nguyên nam thường đóng khố, nữ thường quần váy. Trang phục ngày hội được trang trí hoa văn nhiều màu sắc. Gái trai đều thích mang đồ trang sức.

Lễ hội vào mùa xuân hoặc sau vụ thu hoạch. Một số lễ hội đặc sắc như: Lễ hội cồng chiêng, Hội đua voi, Hội xuân,...

3. Củng cố, dặn dò :

- Kể tên một số dân tộc sống lâu đời ở Tây Nguyên?

-Nêu một số nét sinh hoạt của người dân ở Tây Nguyên?

- Nhận xét tiết học

- HS làm việc theo nhóm 4. các nhóm dựa vào mục 2 sgk và tranh ảnh để thảo luận trả lời các câu hỏi.-

Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp

- Các nhóm khác nhận xét và bổ sung - HS mô tả theo tranh

- HS thảo luận theo nhóm 2

- Đại diện các nhóm trình bày

Tiết 4: **Thế dục** (GVC)

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tin học** (GVC)

Tiết 2: **Tiếng Anh** (GVC)

Tiết 3: **Hoạt động ngoài giờ lên lớp**

GUƠNG HỌC SINH NGHÈO VƯỢT KHÓ

I. Yêu cầu cần đạt

- HS biết cảm thông với những khó khăn của các bạn HS nghèo vượt khó.
- Biết học tập tinh thần nỗ lực vươn lên của các HS nghèo vượt khó.
- Giáo dục HS có ý thức quan tâm, giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn.

II. Chuẩn bị

- Các mẫu chuyện sưu tầm ở lớp, ở trường hoặc qua sách báo, truyện, mạng Internet... về tấm gương HS nghèo vượt khó.
- Hình ảnh hoặc đoạn phim tư liệu (nếu có) về những tấm gương HS nghèo vượt khó.

III. Các hoạt động

Bước 1: Chuẩn bị

- Trước 1 – 2 tuần GV phổ biến yêu cầu HS sưu tầm những gương HS vượt khó ở lớp, ở trường hoặc những câu chuyện, bài viết, mẫu tin, băng hình, tranh ảnh,... sưu tầm qua các phương tiện thông tin đại chúng về gương HS nghèo vượt khó. Ai sưu tầm được sẽ đăng kí để thầy cô giáo sắp xếp tiết mục kể chuyện trong tuần tới.
- Cử (chọn) người dẫn chương trình.
- Chuẩn bị tiết mục văn nghệ.

Bước 2: Kể chuyện

- MC tuyên bố lí do, giới thiệu ý nghĩa của buổi kể chuyện.
- MC lần lượt giới thiệu và mời các bạn lên kể câu chuyện hoặc giới thiệu tranh ảnh, băng hình về HS nghèo vượt khó mà mình đã sưu tầm được.
- Sau mỗi phần kể của HS, MC/ GV có thể tổ chức cho lớp cùng trao đổi: Bạn có suy nghĩ gì về tấm gương vượt khó đó?
- Xen kẽ giữa các phần kể của HS là các tiết mục văn nghệ và một số câu chuyện, băng hình mà GV đã sưu tầm được.

Bước 3: Nhận xét – Đánh giá

- GV khen ngợi những HS đã sưu tầm và kể những câu chuyện cảm động về tinh thần vượt khó của các bạn HS nghèo. Nhắc nhở HS hãy học tập gương vượt khó vươn lên trong học tập của các bạn.

- Khuyến khích H trong lớp hãy thu gom sách vở, đồ dùng, đồ chơi, quần áo,... của mình để giúp đỡ cho các bạn nghèo ở lớp, ở trường hay các bạn nghèo trong cả nước có điều kiện vượt qua những khó khăn.

- Tuyên bố kết thúc buổi sinh hoạt.

Thứ 6 ngày 21 tháng 10 năm 2022

Tiết 1: **Toán**

TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- Biết tính chất kết hợp của phép cộng. Bước đầu sử dụng được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng trong thực hành tính.
- Rèn kĩ năng ghi nhớ, linh hoạt trong khi thực hiện tính.
- Giáo dục học sinh ý thức học tập bộ môn; phát huy sáng tạo của hs.

II. Các hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ:

- Yêu cầu hs tự viết biểu thức có chứa 3 chữ và tính giá trị.
- Gọi hs nhận xét.
- GV nhận xét, đánh giá

B. Bài mới:

HD 1: Nhận biết tính chất kết hợp của phép cộng

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa bảng phụ có kẻ sẵn như SGK - Mỗi lần GV cho a, b, c nhận giá trị số rồi yêu cầu HS tính giá trị của $(a+b) + c$ và $a + (b+c)$ rồi yêu cầu HS so sánh hai tổng này (so sánh kết quả tính) - Yêu cầu HS nhận xét giá trị của $(a + b) + c$ và của $a + (b + c)$ - GV chốt và ghi bảng: $(a + b) + c = a + (b + c)$ - Yêu cầu HS thể hiện bằng lời: Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba. - GV giới thiệu: <i>Đây chính là tính chất kết hợp của phép cộng</i> - Nêu tính chất kết hợp của phép cộng. <i>Chốt: khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - HS tính giá trị số của các biểu thức và nêu kết quả rồi so sánh rút ra kết luận. - HS nêu
Giá trị của $(a + b) + c$ luôn bằng giá trị của $a + (b + c)$ - HS nêu, HS khác nhắc lại tính chất kết hợp của phép cộng. |
|--|--|

HD 2: Thực hành

Bài 1:

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Bài yêu cầu gì? | <ul style="list-style-type: none"> - Tính bằng cách thuận tiện |
|---|---|

- Cho HS tính cá nhân nêu cách tính.
- Yêu cầu hs làm bảng phần a dòng 2, 3
- Dựa vào đầu mà ta có thể tính nhanh được như vậy?
- Nêu lại tính chất kết hợp đó.
- Chấm Đ/S , nhận xét.

Chốt: Tính chất kết hợp của phép cộng

Bài 2:

- Gọi HS đọc đầu bài.
- HD HS phân tích bài toán.
- HDHS giải bài toán

- Tìm thêm các cách giải khác cho bài toán.
- Bài này có mấy cách giải? Cách giải nào nhanh nhất?

Chốt: Vận dụng tính chất kết hợp ta tìm được các cách giải cho bài toán.

Bài 3:

- Nêu miệng kết quả bài 3
- GV giúp hs phân biệt tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng

C. Củng cố, dặn dò:

- Nêu tính chất kết hợp của phép cộng.
- Nhận xét giờ học
- Nhắc hs ôn bài và chuẩn bị bài sau: *Luyện tập*

- nhất
- HS nêu cách làm
- HS làm bảng lớp, lớp làm nháp.
- HS nêu: vận dụng tính chất kết hợp
- HS nhắc lại.
- HS đọc đầu bài, tóm tắt
- HS làm bài
- HS đổi vở kiểm tra kết quả và cách giải của nhau
- HS làm bài vào nháp
- HS nêu các cách giải, chọn cách nhanh nhất

- HS nêu kết quả.

Tiết 2: Luyện từ và câu

LUYỆN TẬP VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÝ VIỆT NAM

I. Yêu cầu cần đạt:

- Biết vận dụng những hiểu biết về quy tắc viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam để viết đúng một số tên riêng Việt Nam.
- HS nhận biết được tên riêng và viết đúng chính tả
- GDHS yêu thích tiếng Việt, có ý thức viết đúng chính tả

II. Đồ dùng:

- Bảng phụ ghi bài ca dao BT1; Bản đồ địa lý Việt Nam.; bảng nhóm BT2

III. Các hoạt động dạy - học:

A/ Kiểm tra bài cũ:

- Nêu lại cách viết hoa tên người và tên địa lý Việt Nam .
- Lấy ví dụ?

- 1 -2 HS nêu
- Tự lấy ví dụ một tên người và một tên địa lý VN trong bảng con

B/ Bài mới:

1/ Giới thiệu bài

2/ Luyện tập :

Bài 1: Viết lại cho đúng các tên riêng trong bài ca dao.(Gv treo bảng phụ:)

Yêu cầu HS làm theo nhóm.

+ Yêu cầu HS thảo luận, gạch chân dưới những tên riêng viết sai và sửa lại.

- Gọi 1, 2 nhóm treo bài lên bảng để hoàn chỉnh bài ca dao.

- Gọi HS nhận xét, chữa bài.

- Gọi HS đọc lại bài ca dao đó hoàn chỉnh.

- Cho HS quan sát tranh minh họa và hỏi: - Bài ca dao cho em biết điều gì?

- Giáo viên giới thiệu về bài ca dao; giới thiệu về thành Thăng Long xưa với nhiều tên phố gắn với nghề chính ở đó...

Củng cố cách viết hoa tên địa lý VN

Bài 2: Trò chơi du lịch trên bản đồ Việt Nam

- Treo bảng đồ địa lý Việt Nam lên bảng.

- Các em sẽ đi du lịch khắp mọi miền trên đất nước ta. Đi đến đâu các em nhớ viết lại tên tỉnh, thành phố, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử mà mình đó thăm.

Chúng ta sẽ tìm xem trong các nhóm, nhóm nào là nhóm *Những nhà du lịch giỏi nhất*, đi được nhiều nơi nhất.

- Phát bảng phụ, bản đồ cho từng nhóm.

- Yêu cầu HS thảo luận, làm việc theo nhóm.

+ Nhận xét, bổ sung để tìm ra nhóm đi được nhiều nơi nhất.

-GV h/d HS Tìm hiểu thêm một số điểm nổi bật của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng của VN

Củng cố lại cách viết tên địa danh, tên riêng Việt Nam

- 1HS đọc yêu cầu rồi

- HS nhận bảng phụ và hoạt động trong nhóm theo hướng dẫn.

+ HS báo cáo kết quả.

- Nhận xét, chữa bài.

Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Thiếc, Hàng Hài, Mã Vĩ, Hàng Giấy, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Đàn, Phúc Kiến, Hàng Than, Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Ngang, Hàng Đồng, Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè, Hàng Bát, Hàng Tre, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà.

- 1 HS đọc thành tiếng.

- Quan sát:

+ Bài ca dao giới thiệu cho em biết tên 36 phố cổ ở Hà Nội.

- HS đọc thành tiếng.

- Quan sát.

- Lắng nghe.

- Chữa bài

- 1 HS đọc lại bài thơ đã được chữa.

- 1 HS đọc yêu cầu

- HS làm việc nhóm 4: HS tìm trên bản đồ các tỉnh, thành phố, danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử rồi viết lại tên đó vào bảng nhóm

- Các nhóm trình bày + chỉ trên bản đồ

-HS bình chọn nhóm tìm được đúng, nhiều, nhanh tên các địa danh

3. **Củng cố dặn dò :**

- Nêu lại quy tắc viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về xem lại bài; khuyến khích các em học thuộc bài ca dao BT1 và chuẩn bị bài sau: *Cách viết tên người, tên địa lý nước ngoài.*

Tiết 3: **Tập làm văn**

LUYỆN TẬP PHÁT TRIỂN CÂU CHUYỆN

I. Yêu cầu cần đạt:

- Làm quen với thao tác phát triển câu chuyện dựa theo trí tưởng tượng.
- Biết sắp xếp các sự việc theo trình tự thời gian
- Biết nhận xét, đánh giá bài văn của mình, của bạn

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ ghi gợi ý

III. Các hoạt động dạy học:

A - Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra các đoạn viết hoàn chỉnh ở bài tập 2 tiết trước

B - Bài mới:

1. Giới thiệu bài.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Đề bài: Trong giấc mơ em được một bà tiên cho ba điều ước và em đã thực hiện cả ba điều ước đó. Hãy kể lại câu chuyện ấy theo trình tự thời gian.

a. Kể miệng

- H/d đọc và phân tích đề bài
- GV giúp HS gạch chân những từ ngữ quan trọng của đề.
- Y/c HS đọc các gợi ý và trả lời các gợi ý đó theo nhóm.(treo bảng phụ)
- Em mơ thấy mình gặp bà tiên trong hoàn cảnh nào? Vì sao bà tiên lại cho em ba điều ước?

- Em thực hiện từng ước mơ như thế nào?

- Em nghĩ gì khi thức giấc?

- 4 HS đọc 4 đoạn
- HS nhận xét+ đánh giá

- 1 HS đọc đề bài

- 1 HS đọc các gợi ý trên bảng phụ
- HS thảo luận nhóm 4 kể lại câu chuyện dựa vào các câu hỏi gợi ý

1/ Mẹ em đi công tác xa. Bố ốm nặng phải nằm viện. Ngoài giờ học, em vào viện chăm sóc bố. Một buổi trưa, bố em đó ngủ say. Em mệt quá cũng ngủ thiếp đi. Em bỗng thấy bà tiên nắm tay em. Bà cầm tay em, khen em là đứa con hiếu thảo và cho em 3 điều ước...

2/. Đầu tiên, em ước cho bố em khỏi bệnh và tiếp tục đi làm. Điều thứ 2 em mong cho người thoát khỏi bệnh tật. Điều thứ ba em mong ước mình và em trai mình học giỏi để sau này lớn lên trở thành những kĩ sư giỏi...

3/. Em tỉnh giấc và thật tiếc đó là giấc mơ. Nhưng em vẫn tự nhủ mình sẽ cố

gắng để thực hiện được những điều ước đó.

- Em biết đó chỉ là giấc mơ thôi nhưng trong cuộc sống sẽ có nhiều tấm lòng nhân ái đến với những người chẳng may gặp cảnh hoạn nạn, khó khăn.

- Em rất vui khi nghĩ đến giấc mơ đó. Em nghĩ mình sẽ làm được tất cả những gì mình mong ước và em sẽ học thật giỏi...

- Nhiều HS kể câu chuyện của mình trước lớp.

- HS nhận xét,

- HS viết bài vào vở

- KKHS viết câu văn hay, có sử dụng các biện pháp tu từ xen lẫn miêu tả.

- Một vài HS đọc bài viết.

- HS khác nhận xét

- Tổ chức báo cáo

- GV nhận xét và chốt lại những câu chuyện hợp lý, đúng yêu cầu.

b. Viết vào vở

- GV yêu cầu HS viết lại câu chuyện trong vở

- Viết được câu văn hay, có sử dụng biện pháp tu từ

- Tổ chức cho HS đọc bài làm và nhận xét + rút kinh nghiệm trước lớp

3. Nhận xét, dặn dò :

- GV nhận xét tiết học

- Dặn những HS chưa làm xong về nhà tiếp tục hoàn thành bài; khuyến khích HS kể lại câu chuyện đã viết cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau: *Luyện tập phát triển câu chuyện*.

Tiết 4: Khoa học

PHÒNG MỘT SỐ BỆNH LÂY QUA ĐƯỜNG TIÊU HÓA.

I. Yêu cầu cần đạt:

- Kể tên một số bệnh lây qua đường tiêu hoá: tiêu chảy, lỵ, ...

- Nêu nguyên nhân gây ra một số bệnh lây qua đường tiêu hoá: uống nước lã, ăn uống không vệ sinh, dùng thức ăn ôi thiu.

- Nêu cách phòng tránh một số bệnh lây qua đường tiêu hoá:

+ Giữ vệ sinh ăn uống.

+ Giữ vệ sinh cá nhân.

+ Giữ vệ sinh môi trường.

- Thực hiện giữ vệ sinh ăn uống để phòng bệnh.

II. Đồ dùng

- Hình trang 30, 31 SGK

- Giấy để HS vẽ tranh cổ động. (HD 3)

III. Hoạt động dạy học.

A. Bài cũ

- Bạn có lời khuyên nào cho những người bị bệnh béo phì?
- Thái độ của chúng ta với người béo phì thế nào?
- GV nhận xét, KL

B. Bài mới**1) Giới thiệu bài:****2) Nội dung****HD 1: Tìm hiểu về một số bệnh lây qua đường tiêu hoá**

- GV đặt vấn đề:
- + Trong lớp em có bạn nào đã từng bị bệnh tiêu chảy? Khi đó em thấy thế nào?
- + Hãy kể tên các bệnh lây qua đường tiêu hoá mà em biết?
- GV giảng về triệu chứng một số bệnh tiêu hoá:
- + Tiêu chảy: *Đi ngoài phân lỏng, nhiều nước từ 3 hay nhiều lần hơn nữa trong 1 ngày. Cơ thể bị mất nhiều nước và muối.*
- + Tả: *Gây ra tiêu chảy nặng, nôn mửa, mất nước và truy tim mạch. Nếu không phát hiện và ngăn kịp thời, bệnh tả có thể lây lan nhanh chóng trong gia đình và cộng đồng thành dịch rất nguy hiểm.*
- + Lị: *Đau bụng quặn ở vùng bụng dưới, mót rặn nhiều, đi ngoài nhiều lần, phân lẫn máu và mũi nhầy.*
- Các em thấy đây các bệnh tiêu hoá nguy hiểm thế nào?
- Kết luận: Các bệnh như tiêu chảy, tả, lị ... đều có thể gây ra chết người nếu không chữa trị kịp thời và đúng cách. Chúng đều bị lây qua đường ăn uống. Màm bệnh chứa nhiều trong phân, chất nôn và đồ dùng cá nhân nên rất dễ phát tán lây lan ra dịch bệnh làm thiệt hại người và của. Vì vậy, cần phải báo kịp thời cho cơ quan y tế để tiến hành các biện pháp phòng dịch bệnh.*

HD 2: Thảo luận về nguyên nhân và cách phòng bệnh lây qua đường tiêu hoá.

- Cho HS làm việc nhóm: Yêu cầu HS quan sát các hình trang 30,31 SGK trả lời các câu hỏi sau:
- + Chỉ và nói nội dung từng hình.
- + Việc làm nào của các bạn trong hình có thể dẫn đến bị lây các bệnh qua đường tiêu hoá?
- + Việc làm nào góp phần đề phòng bệnh đường tiêu hoá?
- + Nêu nguyên nhân và cách phòng bệnh tiêu hoá?
- Treo hình vẽ trang 30, 31 và YC các nhóm báo cáo kết quả.

- 2HS trả lời.

- Lo lắng, khó chịu, mệt, đau bụng.
- Tả, lị, tiêu chảy.

- HS trả lời theo ý của mình.

- N₂: Làm việc nhóm, đại diện nhóm trình bày kết quả, nhóm khác bổ sung.

- GV lồng ghép GDBVMT: Con người cần đến thức ăn và nước uống từ môi trường. Vì vậy, để phòng tránh được một số bệnh lây qua đường tiêu hoá thì chúng ta phải thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường như: bảo vệ nguồn thức ăn, bảo vệ nguồn nước, ...

- Nhận xét chung các ý kiến.

HD 3: Vẽ tranh cổ động

- GV phổ biến yêu cầu.

- Nhận xét, KL.

- Vẽ tranh cổ động theo nhóm, sau đó trình bày.

- HS đọc mục “*Bạn cần biết*”

3. Củng cố, dặn dò

- Nêu nguyên nhân và cách phòng bệnh lây qua đường tiêu hoá?

- Nhận xét tiết học.

- Chuẩn bị bài sau: *Bạn cảm thấy thế nào khi bị bệnh?*

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Việt*

Luyện tập : xây dựng đoạn văn kể chuyện

I. Mục tiêu:

- Củng cố cho HS về đoạn văn kể chuyện.

- Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học về tác dụng của việc kể lại hành động, cử chỉ, lời nói, ý nghĩ, đặc điểm ngoại hình của nhân vật... để tạo dựng đ- ọc một đoạn văn kể chuyện hợp lí.

II. Đồ dùng: VBT; bảng phụ ghi BT2

III. Các hoạt động dạy- học:

1. Ôn lí thuyết:

- Mỗi đoạn văn trong bài văn kể chuyện có nhiệm vụ gì?

- Đoạn văn đ- ọc nhận ra nhờ dấu hiệu nào?

* Để xây dựng đ- ọc đoạn văn từ một sự việc chúng ta cần thêm vào những gì?

+ Đoạn văn th- ờng gồm mấy phần?

→GV chốt: cần vận dụng kiến thức đã học về tác dụng của việc kể lại hành động, cử chỉ, lời nói, ý nghĩ, đặc điểm ngoại hình của nhân vật... để lựa chọn chi tiết cần thêm vào tạo dựng một đoạn văn cho phù hợp với sự việc xảy ra và thêm phần sinh động, hấp dẫn. Mỗi đoạn văn nên xây dựng đủ 3 phần

- ...kể lại đ- ọc 1 sự việc trong cốt truyện

- ...đầu đoạn viết lùi vào 1 ô, hết đoạn chấm xuống dòng..

* HS nêu ý kiến

- ...3 phần: Mở đoạn; Thân đoạn, kết đoạn

2. Thực hành:

Bài tập 1: Hãy viết hoàn chỉnh tiếp các đoạn văn trong câu chuyện Vào nghề

- H/d HS hoàn thiện các đoạn văn trong VBT dựa theo những đoạn văn các bạn đã xây dựng và những h/d nhận xét bổ sung trên lớp buổi sáng

- H/d nhận xét và góp ý bổ sung

* Khuyến khích HS kể lại toàn bộ nội dung câu chuyện Vào nghề

***Bài 2:** (Giành cho những em đã hoàn chỉnh

BT1)Cho một cốt truyện có 3 phần nh- sau: (bảng phụ)

- Cô giáo ra đề tập làm văn về nhà. Em thấy khó viết nên đã tìm quyển vở văn cũ của anh để tham khảo.

- Em chép bài của anh rồi nộp cho cô giáo. Cô giáo cho điểm cao, tuyên d- ơng bài văn tr- ớc lớp.

- Em suy nghĩ thấy xấu hổ nên đã thú thực với cô giáo và xin nhận điểm kém. Cô giáo không trách mắng mà khen và động viên em làm lại bài văn khác khiến em rất xúc động.

a, Em hãy đặt tên cho câu chuyện có cốt truyện trên?

b, Chọn một trong 3 phần của cốt truyện rồi viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

- H/d nhận xét và bổ sung và đánh giá

- Biểu d- ơng những bài làm hay

3. Củng cố, dặn dò:

- Để xây dựng đ- ọc đoạn văn kể chuyện ta cần làm gì?

- Nhận xét tiết học; khuyến khích HS về có thể tự viết lại đoạn văn cho hay hơn dựa theo góp ý nhận xét của cô và bạn trên lớp

HS đọc đề, xác định yêu cầu của đề.

- HS làm bài trong VBT

- Nhiều em đọc đoạn văn

- Nhận xét và đánh giá

*1-2 em kể lại câu chuyện

- những em ch- a hoàn chỉnh, tiếp tục hoàn thiện bài theo ý các bạn đã xây dựng

- 2 HS đọc y/c bài tập

- Phần a: HS nêu ý kiến

-Phần b: HS tự làm trong vở

- Nhiều HS đọc đoạn văn của mình

- Nhận xét và bổ sung ý kiến

- 1 số em nêu ý kiến

Tiết 2: Lịch sử

CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG DO NGÔ QUYỀN LÃNH ĐẠO (NĂM 938)

I. Yêu cầu cần đạt:

- Kể ngắn gọn trận Bạch Đằng năm 938: đôi nét về ng- ời lãnh đạo trận Bạch Đằng. Nguyên nhân trận Bạch Đằng. Những nét chính về diễn biến của trận Bạch Đằng.

í nghĩa của trận Bạch Đằng đối với lịch sử của dân tộc.

- Tôn trọng ng- ời tài và yêu quê h- ơng, đất n- ớc , bảo vệ và giữ gìn Tổ quốc.

II- Đồ dùng dạy học :

- Hình trong SGK; bảng phụ ghi một số thông tin về Ngô Quyền (HĐ 1)

III- Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ:- Nêu nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Hai Bà Tr- ng.

- Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa.

- Nhận xét, đánh giá

B. Bài mới : 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Tìm hiểu một vài nét về Ngô Quyền.

- Yêu cầu hs khoanh vào tr- ớc những thông tin đúng về Ngô Quyền.
- + Ngô Quyền là ng- ời làng Đ- ồng Lâm
- + Ngô Quyền là con rể D- ơng Đình Nghệ
- + Ngô Quyền chỉ huy quân dân ta đánh quân Nam Hán
- + Tr- ớc trận Bạch Đằng, Ngô Quyền lên ngôi vua.
- Gọi hs nêu đáp án đúng
- GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng
- Dựa vào kết quả trên hãy giới thiệu đôi nét về Ngô Quyền.

Chốt: Ngô Quyền là ng- ời làng Đ- ồng Lâm, con rể D- ơng Đình Nghệ.

- HS đọc và làm cá nhân
- HS nêu đáp án.
- HS giới thiệu, lớp nhận xét bổ sung.

Hoạt động 2: Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

- Yêu cầu hs đọc thầm SGK và TLCH:
- + Nêu nguyên nhân của trận bạch Đằng.
- + Ngô Quyền đã dựa vào thủy triều để làm gì?
- + Trận đánh diễn ra nh- thế nào?
- + Kết quả ra sao?
- Nhìn vào tranh t- ờng thuật đ- ọc diễn biến của trận Bạch Đằng?
- GV nhận xét, chốt:

Nguyên nhân: Kiều Công Tiễn giết D- ơng Đình Nghệ và cầu cứu nhà Nam Hán. Ngô Quyền bắt giết Kiều Công Tiễn và chuẩn bị đón đánh quân Nam Hán.

Diễn biến: Ngô Quyền chỉ huy quân ta lợi dụng thủy triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, nhử giặc vào bãi cọc và tiêu diệt địch.

- HS đọc từ đầu đến quân Nam Hán hoàn toàn thất bại.
- HS nêu
- Cắm cọc nhọn xuống lòng sông đợi n- ớc triều lên nhử địch qua bãi cọc khi n- ớc rút thì phản công.
- HS trình bày.
- Quân Nam Hán hoàn toàn thất bại
- 1 ->2 hs t- ờng thuật

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng

- Sau chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền đã làm gì ?
- Theo em chiến thắng Bạch Đằng và việc Ngô Quyền x- ng v- ơng có ý nghĩa nh- thế nào đối với lịch sử dân tộc?
- GV nhận xét, chốt ý nghĩa:
- Chiến thắng Bạch Đằng kết thúc thời kì n- ớc ta bị phong kiến ph- ơng Bắc đô hộ, mở ra thời kì độc lập lâu dài cho đất n- ớc.*
- Nhân dân ta làm gì tỏ lòng ghi nhớ

- Cả lớp thảo luận để tìm ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa .
- HS trả lời
- HS khác nhận xét bổ sung.
- HS trả lời: Để ghi nhớ công lao của

công ơn Ngô Quyền?

Ngô Quyền nhân dân ta đã xây lăng để
t- ởng nhớ ông ở Đ- ờng Lâm - Hà Tây.
- HS quan sát tranh SGK lăng thờ Ngô
Quyền

3. Củng cố - dẫn dắt :

- Nêu những nét chính về trận Bạch Đằng, ý nghĩa của trận Bạch Đằng.
- Nhận xét tiết học
- Nhắc hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau: Ôn tập

Tiết 3: Hoạt động tập thể **SINH HOẠT LỚP**

I. Yêu cầu cần đạt

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.
- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.
- Đề ra phong hóng hoạt động tuần tới

II. Nội dung :

1. Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.

2. GV nhận xét.

a. Ưu điểm

Hoàn thành Hội học hội giảng theo kế hoạch của thầy cô.

Nhiều em nhận được của rơi trả lại bạn (Khoa, Phương, Nhi,,)

Lớp có tinh thần đoàn kết giúp nhau cùng học tập

Tích cực tham gia hoạt động Đội

b. Tồn tại :

- Xếp hàng ra vào lớp chưa nhanh.

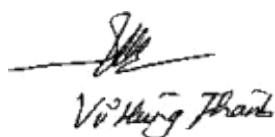
Thế dục sân trường chậm, chưa đều

3. Phương hướng hoạt động tuần tới

- Tiếp tục thi đua học tốt dâng lên thầy cô những bông hoa điểm 10.
- Phát động thi đua chào mừng ngày nhà giáo VN.
- Hưởng ứng các hoạt động của thư viện.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đúng kế hoạch


Vũ Hưng Thanh

